

LỜI CẢM ƠN

Những năm tháng trên giảng đường đại học là những năm tháng vô cùng quý báu và quan trọng đối với em. Thầy cô đã tận tâm giảng dạy, trang bị hành trang kiến thức để em có đủ tự tin bước vào đời. Kỳ thực tập này chính là những bước đi cuối trên con đường đại học, để có được những bước đi này em chân thành biết ơn quý thầy cô trường đại học dân lập Hải Phòng đã hết lòng truyền đạt kiến thức và những kinh nghiệm quý báu cho em trong thời gian học tại trường.

Qua thời gian thực tập Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng đã giúp em tích lũy được những kiến thức khoa học về kinh tế và nâng cao sự hiểu biết về thực tế. Để có được điều đó là nhờ sự tận tình chỉ dạy của các anh chị phòng kế toán tại xí nghiệp, giúp em có thể làm quen với thực tế; sự nhiệt tình của anh chị phòng kế toán đã giúp em hoàn thành tốt khoá luận; cùng với sự tận tình của cô giáo Th.s Lương Khánh Chi đã trực tiếp hướng dẫn em trong quá trình nghiên cứu và viết khoá luận này.

Hơn nữa, những gì em có được hôm nay là nhờ vào công ơn nuôi dưỡng cũng như những hy sinh và khó nhọc của cha mẹ và gia đình.

Em xin chân thành cảm ơn cha mẹ, gia đình, quý thầy cô, cô chú, anh chị

trong Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

Xin nhận nơi em lời chúc sức khoẻ, thành công và hạnh phúc!

MỤC LỤC

Lời cảm ơn 1

Mục lục..... 2

Lời mở đầu..... 4

1.Tính cấp thiết của đề tài 4

2.Mục tiêu nghiên cứu 4

3. Đối tượng nghiên cứu 5

4.Phương pháp nghiên cứu..... 5

5.Phạm vi nghiên cứu 5

6.Kết cấu đề tài..... 5

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 7

1.1 Phân loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 7

1.2 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 9

1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 10

1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 12

1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 12

1.4.1.1 Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp..... 12

1.4.1.2 Đặc điểm giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp..... 15

1.4.1.3 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên..... 17

1.4.1.4 Tổ chức doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ 25

1.4.2 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tổng doanh nghiệp 27

1.4.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp 30

1.4.4 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động khác trong doanh nghiệp..... 33

1.4.5 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 35

1.4.5.1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp..... 35

1.4.5.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 36

1.5 Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 37

CHƯƠNG II; THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH THAN HUY HOÀNG..... 42

1 Giới thiệu Xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng..... 42

1.1 Quá trình hình thành và phát triển xí nghiệp 42

1.2 Quá trình hành thành và phát triển 42

1.3 Chức năng nhiệm vụ của Xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng 44

1.3.1 Chức năng 44

1.3.2 Nhiệm vụ..... 44

1.4	Đặc điểm tổ chức bộ máy của xí nghiệp	44
1.4.1	Hình thức tổ chức bộ máy quản lý	44
1.4.2	Chức năng nhiệm vụ của các cấp trong bộ máy quản lý.....	45
1.5	Tổ chức bộ máy kế toán của xí nghiệp	46
1.5.1	Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy tài chính của xí nghiệp	46
1.6	Các chính sách đang áp dụng tại xí nghiệp.....	48
1.6.1	Chế độ kế toán.....	48
1.6.2	Phương pháp kế toán TSCĐ	48
1.6.3	Phương pháp kế toán hàng tồn kho.....	49
1.6.4	Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.....	49
2	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng.....	50
2.1	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng tại xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng.....	50
2.2	Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại xí nghiệp.....	63
2.3	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng	77
2.4	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng	84
2.5	Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng	90
	CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH THAN HUY HOÀNG.....	97
1.1	Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng	97
1.2	Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng.....	98
1.2.1	Kết quả đạt được	98
1.2.1.1	Về tổ chức bộ máy kế toán.....	98
1.2.1.2	Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng.....	98
1.2.1.3	Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	99
1.2.2	Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng	99
1.2.2.1	Việc sử dụng sổ sách kế toán tại xí nghiệp	99
1.2.2.2	Việc hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	99
1.2.2.3	Về tình hình công nợ.....	99
1.2.2.4	Về việc sử dụng chiết khấu thanh toán	100
1.2.2.5	Về việc sử dụng phần mềm kế toán.....	100
1.3	Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	100
1.3.1	Hoàn thiện hệ thống sổ sách sử dụng của xí nghiệp	100
1.3.2	Hoàn thiện việc ghi chép giá vốn bán hàng	103
1.3.3	Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	103
1.3.4	Về tình hình quản lý công nợ	105
1.3.5	Chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại.....	107
1.3.6	Phần mềm kế toán	109

Một số ý kiến khác	113
Kết luận.....	114

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài :

Trong điều kiện hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra (bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp). Như vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, chúng có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Trong hoạt động kinh doanh, ngoài việc mua sắm các yếu tố đầu vào, tiến hành sản xuất hoặc thu mua tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp phải tiến hành tiêu thụ để thu tiền về tạo nên doanh thu của mình. Đây là bộ phận quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng, được sự giúp đỡ của Ban giám đốc, các cán bộ Ban Tài chính - Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của cô giáo thạc sĩ Lương Khánh Chi, tôi xin đi sâu vào nghiên cứu đề tài: "***Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại “Xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng”.***

2. Mục tiêu nghiên cứu :

Qua việc nghiên cứu đề tài này có thể giúp chúng ta nắm rõ hơn về thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung, kế toán xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở doanh nghiệp như thế nào, việc hạch toán đó có khác so với những gì đã học được ở trường đại học hay không? Qua đó

có thể rút ra được những ưu khuyết điểm của hệ thống kế toán đó, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán về xác định kết quả kinh doanh để hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả

3. Đối tượng nghiên cứu

- Doanh thu, chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh
- Các quá trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả SXKD

4. Phương pháp nghiên cứu :

Đề tài này được thực hiện dựa vào số liệu sơ cấp và thứ cấp, cụ thể thông qua việc phỏng vấn lãnh đạo và các bộ phận trong công ty, phân tích các số liệu ghi chép trên sổ sách của công ty, các báo cáo tài chính của công ty, các đề tài trước đây và một số sách chuyên ngành kế toán. Số liệu chủ yếu được phân tích theo phương pháp diễn dịch và thống kê. Đồng thời em cũng tham khảo một số văn bản quy định chế độ tài chính hiện hành.

5. Phạm vi nghiên cứu :

Về không gian : Xí Nghiệp Chế Biển Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

Về thời gian: đề tài được thực hiện từ ngày 11/04/2011 đến ngày 28/04/2011

Số liệu được phân tích là số liệu năm 2010

6. Kết cấu của đề tài

Nội dung của bài khóa luận gồm có 3 chương chính sau:

Chương 1: Những vấn đề lí luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí Nghiệp Chế Biển Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

Đây là lần đầu tiên em thực hiện đề tài do thời gian có hạn cũng như kiến thức còn hạn chế nên đề tài này không thể tránh khỏi sai sót, kính mong sự thông cảm và chỉ bảo nhiều hơn ở thầy cô.

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Phân loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch tập trung, tổ chức công tác doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hầu hết được Nhà nước “ lo” cho toàn bộ. Vì vậy công tác này thường bị các doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất kinh doanh, không còn bao cấp của Nhà nước thì việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp phải tổ chức công tác này mới đưa ra được biện pháp để tăng doanh thu giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

❖ **Doanh thu:**

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ **Chi phí:**

Là tổng giá trị các khoản làm giảm các lợi ích kinh tế trong thời kỳ kê toán dưới hình thức các khoản chi tiền ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cổ đông hoặc chủ sở hữu.

❖ **Kết quả kinh doanh:**

Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp được chia thành ba hoạt động cơ bản sau:

- *Hoạt động sản xuất kinh doanh*: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.
- *Hoạt động tài chính*: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.
- *Hoạt động khác*: là các hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít khả năng thực hiện, các hoạt động khác như: thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu được tiền phạt do đối tác vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được nợ khó đòi đã xóa sổ...

Tuy nhiên tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình mà một doanh nghiệp cũng có thể chỉ có một hoặc hai trong ba hoạt động kinh doanh nói trên.

Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ giá trị sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí QLDN.

$$\text{Kết quả HDSXKD} = \text{DTT về BH và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$$

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác, khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Sơ đồ 1.1: sơ đồ xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần từ bán hàng và CCDV				
	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Doanh thu hoạt động TC		
		Chi phí BH, QLDN, chi phí TC	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	Thu nhập khác	
			Tổng lợi nhuận trước thuế	Chi phí khác	
			Lợi nhuận sau thuế	Chi phí thuế TNDN	

1.2 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm đó là làm thế nào để hoạt động hiệu quả nhất (tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro) và lợi nhuận là thước đo kết quả kinh doanh của doanh

ng nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác chi phí. Hay nói cách khác doanh thu, thu nhập khác, chi phí và lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào để đạt kết quả cao nhất. Như vậy tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được thông tin, số liệu cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất.

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng không chỉ cần thiết đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các xí nghiệp cho thuê tài chính Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định có cho vay không, cho vay bao nhiêu và bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp cho Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định dung số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước...

1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng nhập xuất tồn kho thành phẩm, tình hình tiêu thụ, tình hình thanh toán với người mua, với ngân sách Nhà nước về khoản thuế phí và lệ phí, chất lượng, quy cách đối với từng loại sản phẩm hàng hóa bán ra.
- Phản ánh ghi chép kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.
- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp qua từng thời kỳ và từng lĩnh vực hoạt động.
- Kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết với từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

- Căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ, địa điểm tổ chức của công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp để xác định chi phí sản xuất, trên cơ sở đó tổ chức việc ghi chép cho thích hợp.
- Tổ chức tập hợp, phân bổ chi phí sản xuất cho lãnh đạo doanh nghiệp và tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức chi và dự toán chi phí.
- Tính toán ghi chép chính xác các loại chi phí.

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Hạch toán chính xác và kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.
- Tham gia kiểm kê đánh giá thành phẩm lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm báo cáo kết quả kinh doanh định kỳ tiến hành phân tích tình hình tiêu thụ kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, bán hàng và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

1.4.1.1 Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hóa) là giai đoạn cuối cùng của quá trình tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, nó là quá trình thực hiện về mặt giá trị hàng hóa. Trong mỗi quan hệ này, doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hóa cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền tương ứng với giá trị của hàng hóa đó.

Vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch các nghiệp vụ kinh tế doanh thu như bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu bên ngoài giá bán (nếu có).

Tuy nhiên trong quá trình bán hàng cũng phát sinh một số trường hợp doanh nghiệp không mong muốn vì nó làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp giảm sút. Đó là các khoản giảm trừ doanh thu:

- ✓ Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.
- ✓ Giảm giá hành bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu.
- ✓ Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại từ chối thanh toán.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn.

- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp đó.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa bao gồm thuế GTGT.
- Đối với hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế XK).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được nhận.
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo pp trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay, và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu chưa xác định.

- Đối với phương pháp cho thuê tài sản, có nhận tiền trước cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

❖ **Các phương thức bán hàng**

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** theo tiêu thức này người bán hàng giao hàng cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất hay tại quầy. bán trực tiếp bao gồm bán buôn, bán lẻ.

+ bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn là bán với số lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ bán lẻ là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- **Phương thức chuyển hàng:** theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm 2 loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức này giao hàng không tại kho đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc cửa hàng tiêu thụ.

- **Phương thức giao hàng đại lý:**

Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng trên cơ sở đại lý, cơ sở đại lý kí gửi để họ tiếp tục bán lẻ hoặc bán buôn.

Quyền sở hữu hàng hóa của doanh nghiệp thương mại giao cho đại lý được chấm dứt khi cơ sở đại lý kí gửi, thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc người giao hàng đại lý nhận được thông báo đã bán. Bên đại lý được hưởng hoa

hàng đã kí giữa 2 bên. Số hàng gửi bán vẫn thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp cho đến khi bên nhận đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng.

- **Phương thức trả chậm, trả góp:** theo tiêu thức này doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả 1 lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần, lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần vào các kì tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhận định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì được coi là tiêu thụ.
- **Phương thức đổi hàng:** nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả thị trường rồi dùng tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.
- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** theo phương thức này doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình trả lương cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.4.1.2 Đặc điểm giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là số thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng, phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kì – đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Phương pháp tính giá vốn hàng bán

Trong mỗi doanh nghiệp hàng tồn kho đều được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Vì vậy việc lựa chọn phương pháp xuất kho.. sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Để tính trị giá xuất kho... sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý doanh nghiệp.

Để tính trị giá xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong những phương pháp sau:

- **Phương pháp bình quân gia quyền**

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu} + \text{số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác. Hơn nữa phương pháp này chưa đáp ứng kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này khắc phục được hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. do đặc điểm trên này mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc được sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo FIFO thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này giúp chúng ta có thể tính ngay giá trị vốn hàng xuất kho cho từng lần xuất hàng. Đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các

khâu tiếp theo cũng như giúp cho việc quản lí. Nhược điểm là doanh thu hiện tại không phù hợp với khoản chi phí hiện tại.

Phương pháp này phù hợp với giá cả thị trường ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

LIFO giả định hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập sau mới xuất đến số nhập trước. ngược lại với FIFO, phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

- **Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất kho SP,HH thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính giá vốn của SP,HH xuất bán.

Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa có giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

1.4.1.3 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

✚ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hợp đồng kinh tế.
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ liên quan...

✚ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Nội dung tài khoản này được phản ánh tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế của doanh nghiệp trong kì hạch toán. Tổng số doanh thu ở đây có thể là tổng giá thanh toán(với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo pp trực tiếp cũng

như các đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XNK,...) hoặc chưa có thuế GTGT (đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ).

Tài khoản 511 có các tk cấp 2 sau:

- Tk5111: doanh thu bán hàng.
- Tk5112: doanh thu bán các thành phẩm
- Tk5113: doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tk5114 :doanh thu trợ cấp trợ giá.
- Tk5117: doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tk5118: doanh thu khác

Kết cấu tài khoản

✓ **Bên nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tk911 – xác định kết quả kinh doanh

✓ **Bên có:**

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK511 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tk512 – “doanh thu bán hàng nội bộ”**

Kết cấu tài khoản:

✓ **Bên nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa , dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911.

✓ **Bên có:**

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kì kế toán.

Tk512 không có số dư cuối kì.

❖ **Tk521 – Chiết khấu thương mại**

Kết cấu tài khoản:

✓ **Bên nợ:**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ **Bên có:**

Cuối kì kế toán, kết chuyển toán bộ số chiết khấu thương mại sang: Tk511 để xác định doanh thu thuần của kì báo cáo.

Tk521 không có số dư cuối kì.

❖ **Tk531 – “ hàng bán bị trả lại”**

Kết cấu tài khoản:

✓ **Bên nợ:**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

✓ **Bên có:**

Kết chuyển doanh thu của hàng hóa bị trả lại vào bên nợ của Tk511 hoặc Tk512 để xác định doanh thu thuần trong kì báo cáo.

Tk531 không có số dư cuối kì.

❖ **Tk532 – “ giảm giá hàng bán”**

Kết cấu:

✓ **Bên nợ:**

- Các khoản giảm giá hàng bán đặc chấp nhận cho bên mua hàng do hàng kém chất lượng hoặc sai quy cách, lỗi thời...

✓ **Bên có:**

- Cuối kì kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tk511, Tk512.
Tk532 không có số dư cuối kì.

❖ **Tk632 – “ giá vốn hàng bán”**

✓ **Bên nợ:**

- Phản ánh giá vốn sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kì.
- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán trong kì kế toán.
- Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.
- Phản ảnh các khoản chi phí liên quan đến BĐS đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của BĐS đem bán, thanh lý.

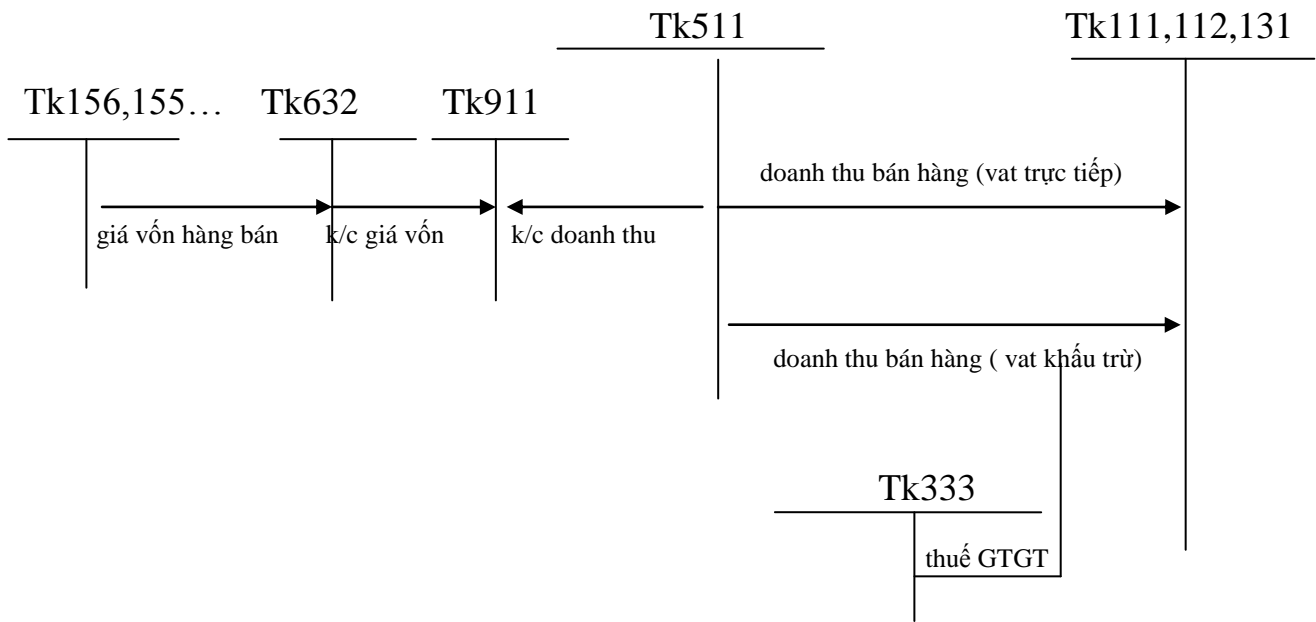
✓ **Bên có:**

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (31/12) (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

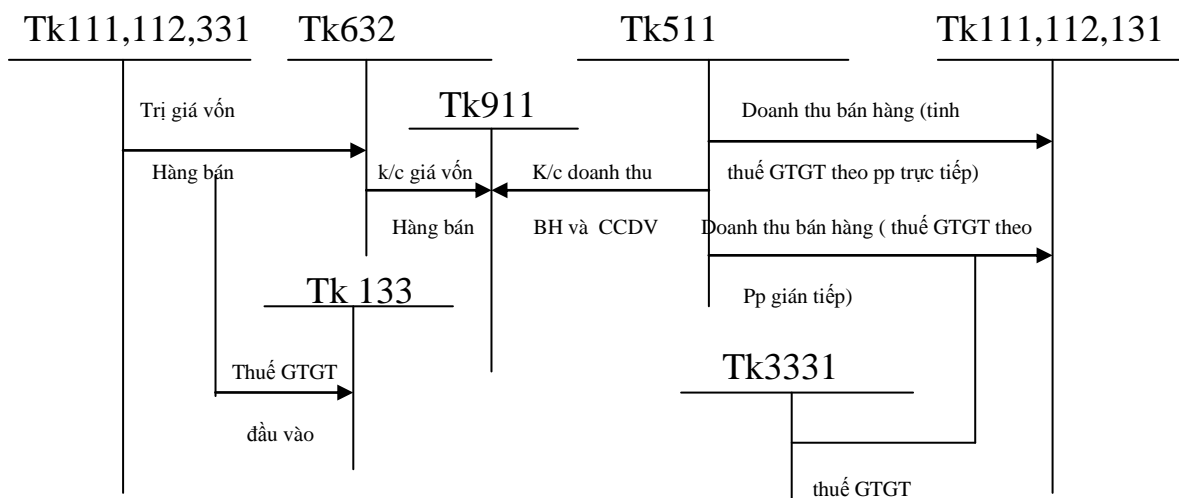
Tk632 không có số dư cuối kì.

Sơ đồ hạch toán:

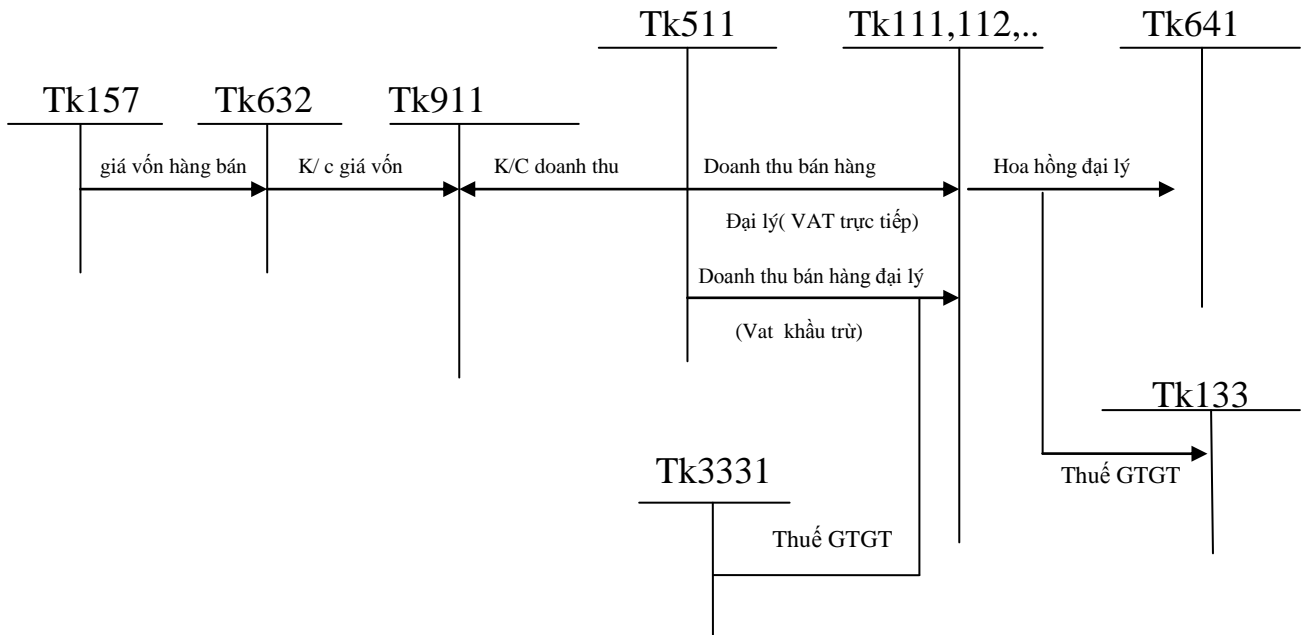
Sơ đồ 1.2: Phương pháp kế toán doanh thu theo phương pháp bán hàng trực tiếp.



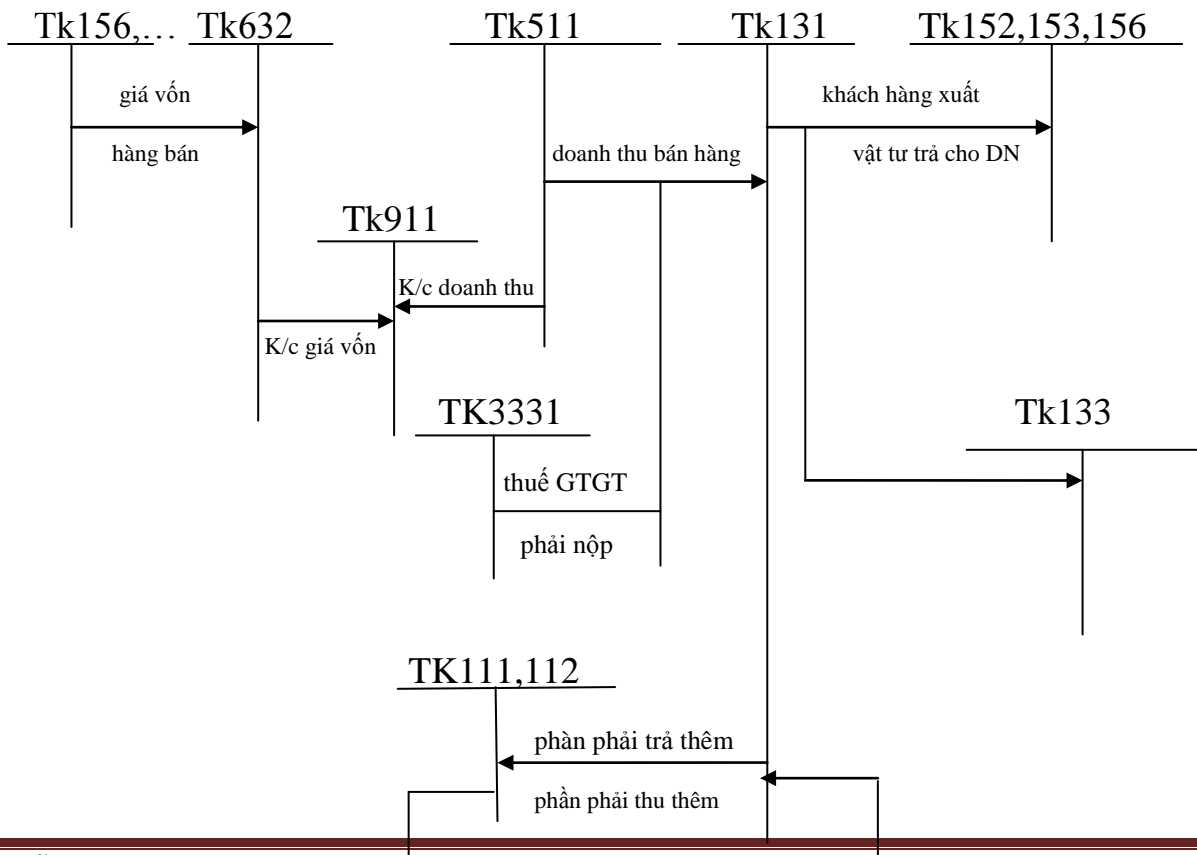
Sơ đồ 1.3: Phương pháp kế toán doanh thu theo phương pháp bán buôn vận chuyển thẳng.



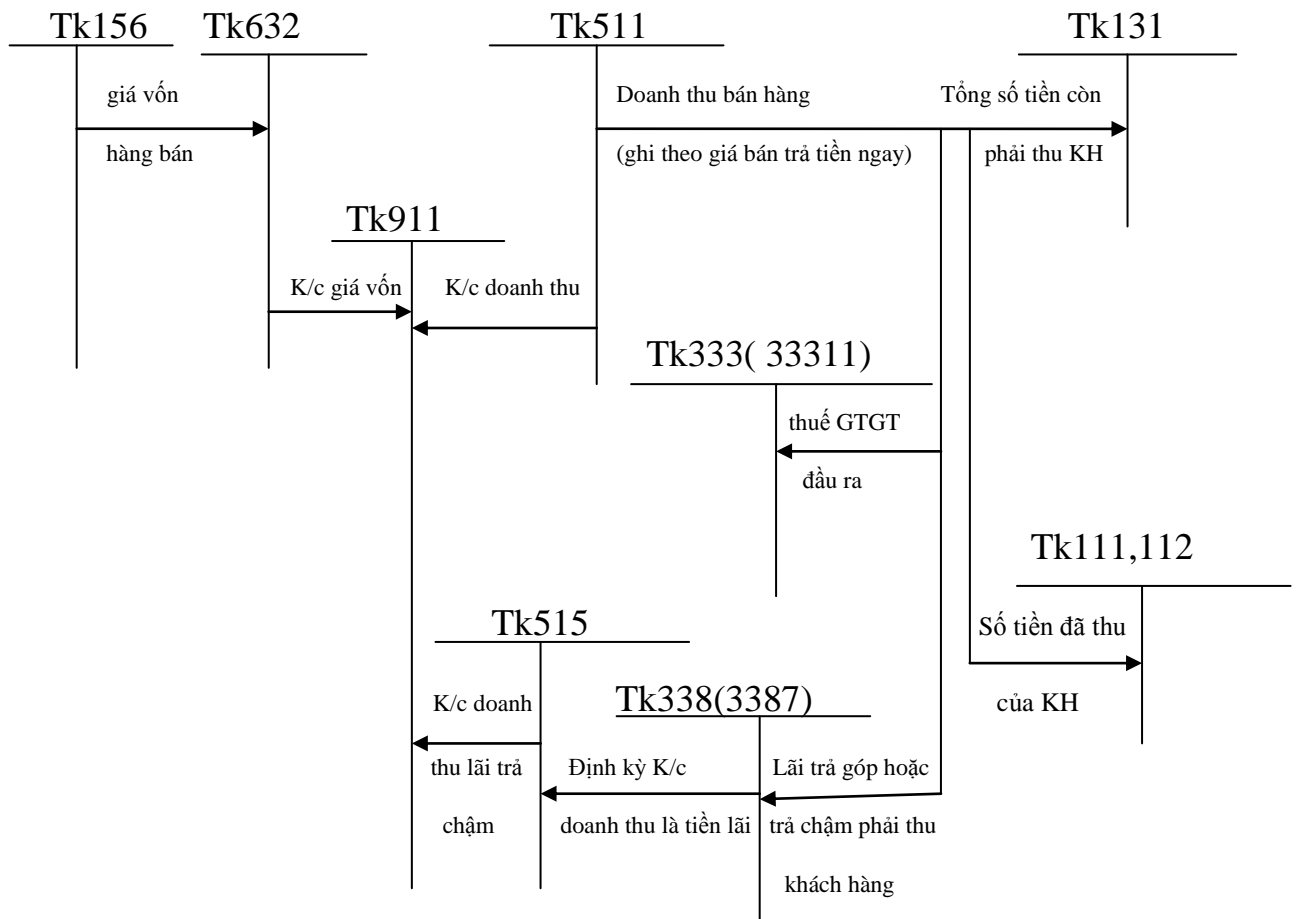
Sơ đồ 1.4: : Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý kí gửi



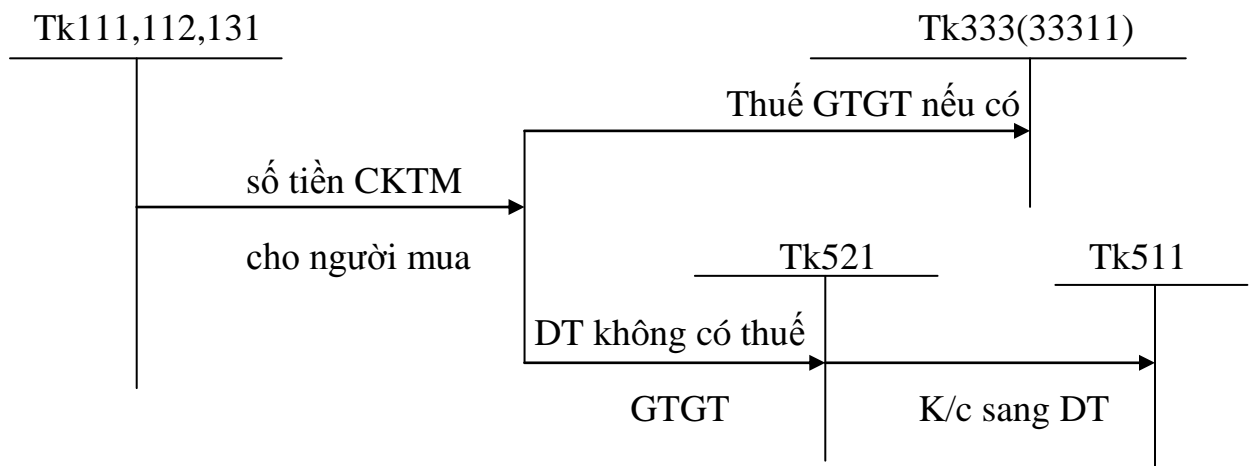
Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán doanh thu bán theo phương thức trao đổi hàng.



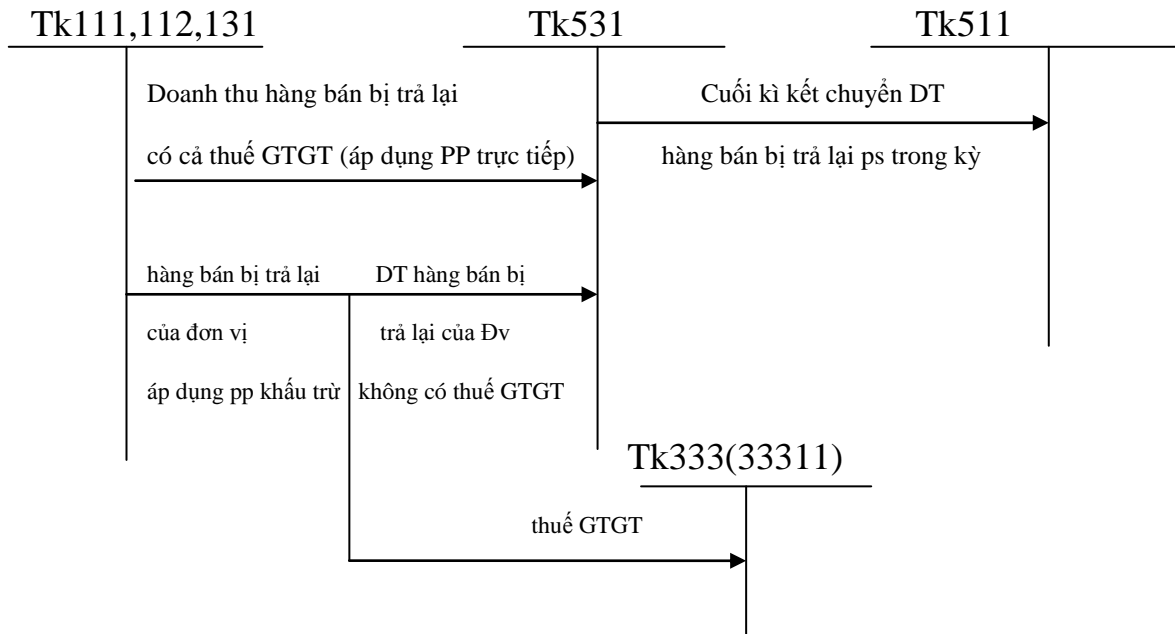
Sơ đồ 1.6: Phương pháp kế toán theo doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.



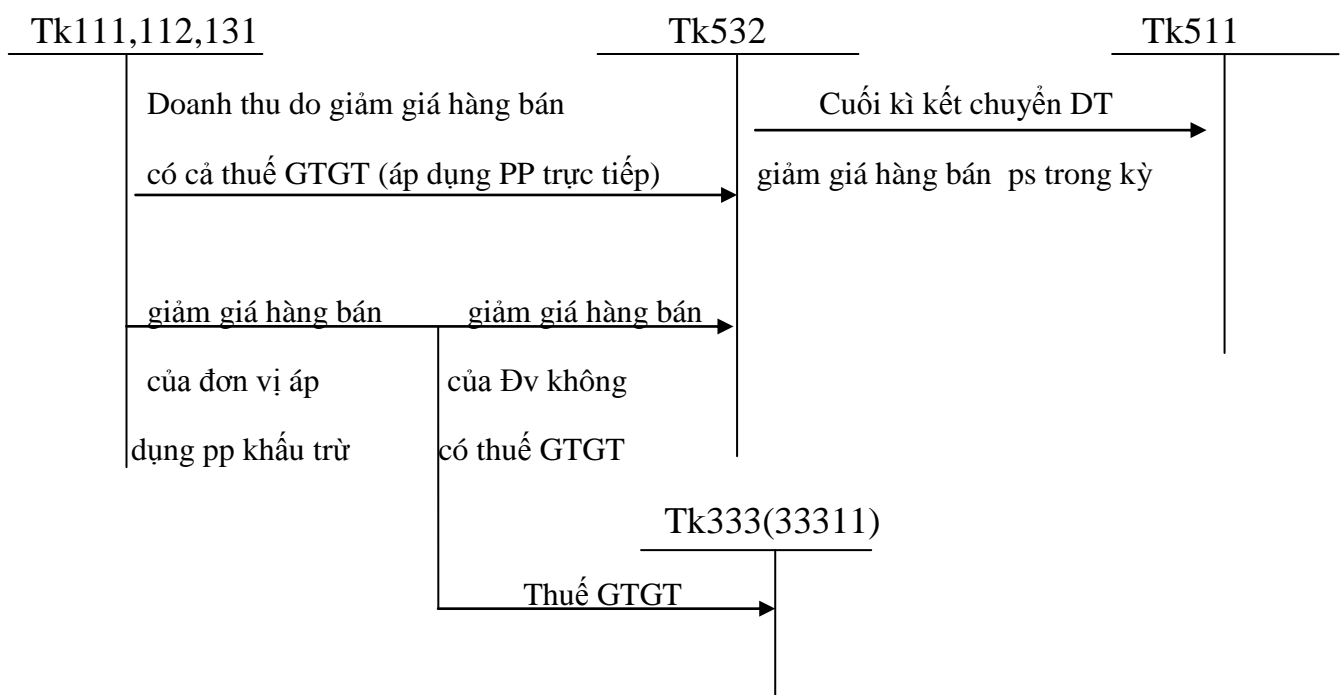
Sơ đồ 1.7: : Phương pháp kế toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.8: : Phương pháp kế toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.9: Phương pháp kế toán giảm giá hàng bán.



1.4.1.4 Tổ chức doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì.

Tài khoản sử dụng:

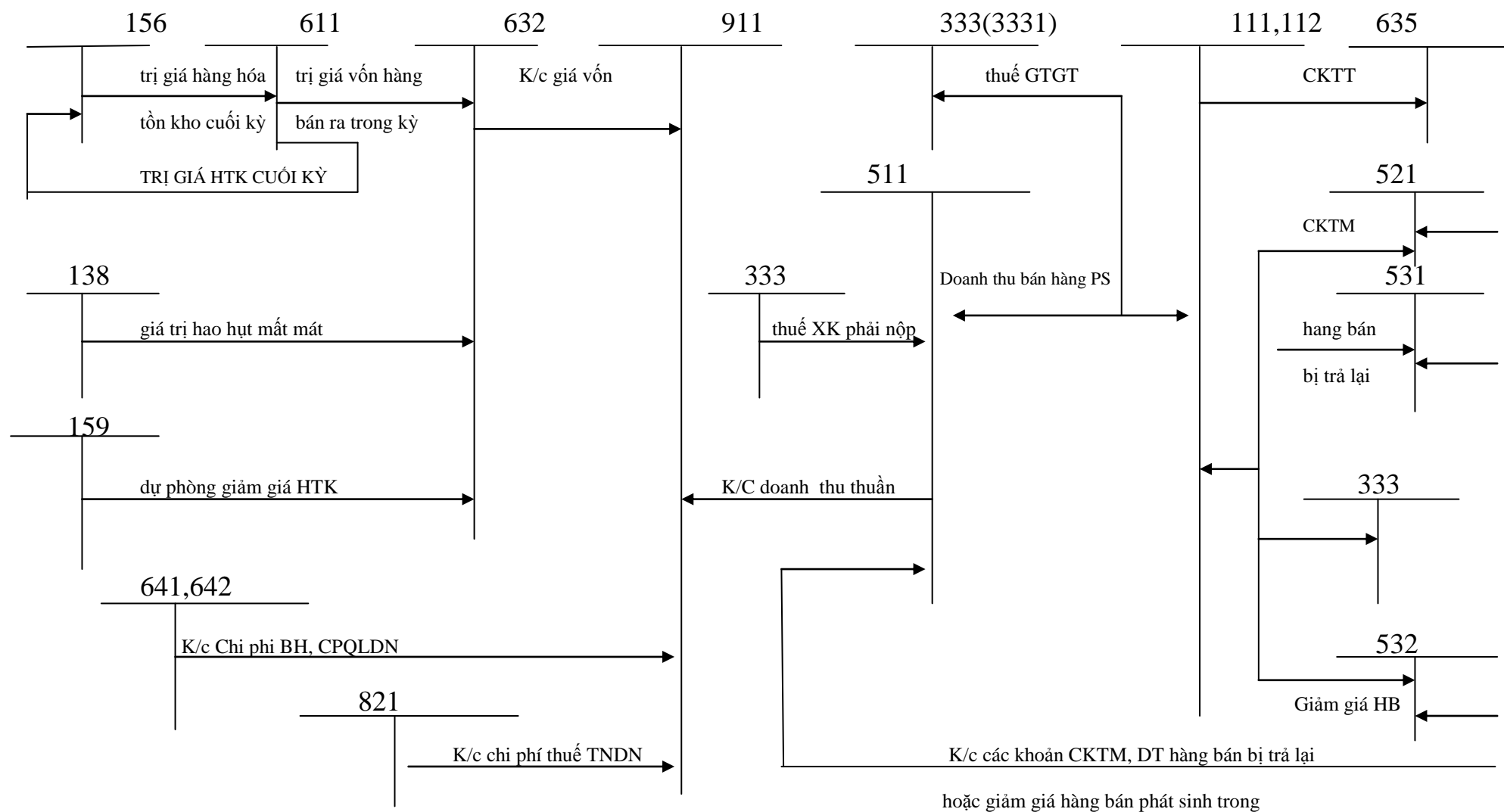
Ngoài những tài khoản mà doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo pp kiểm kê định kì còn sử dụng thêm tài khoản:

TK611: mua hàng.

Tk 631: giá thành sản xuất.

Sơ đồ 1.10 Hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

(theo Phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng phương pháp khấu trừ)



1.4.2 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng:

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ .

Chi phí bán hàng gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn bộ xí nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tk sử dụng:

❖ Tk 641 – chi phí bán hàng

Tk 641 gồm 07 tài khoản cấp 2:

- Tk6411- chi phí nhân viên
- Tk6412- chi phí vật liệu bao bì
- Tk6413- chi phí dụng cụ , đồ dùng.
- Tk6414- chi phí khấu hao TSCĐ
- Tk6415 – chi phí bảo hành
- Tk6417- chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tk6418- chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu tài khoản:

✓ Bên nợ:

- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kì.

✓ Bên có:

- Các khoản giảm chi phí bán hàng (nếu có)
- Kết chuyển chi phí bán hàng trong kì vào bên nợ TK911.

❖ Tk 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 642 bao gồm 8 tk cấp 2:

- 6421 – chi phí nhân viên quản lý
- 6422- chi phí vật liệu quản lý
- 6423- chi phí đồ dung văn phòng
- 6424 – chi phí khấu hao tài sản cố định
- 6425 – thuê, phí lệ phí.
- 6427 – chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428 – chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu tài khoản

✓ **Bên nợ:**

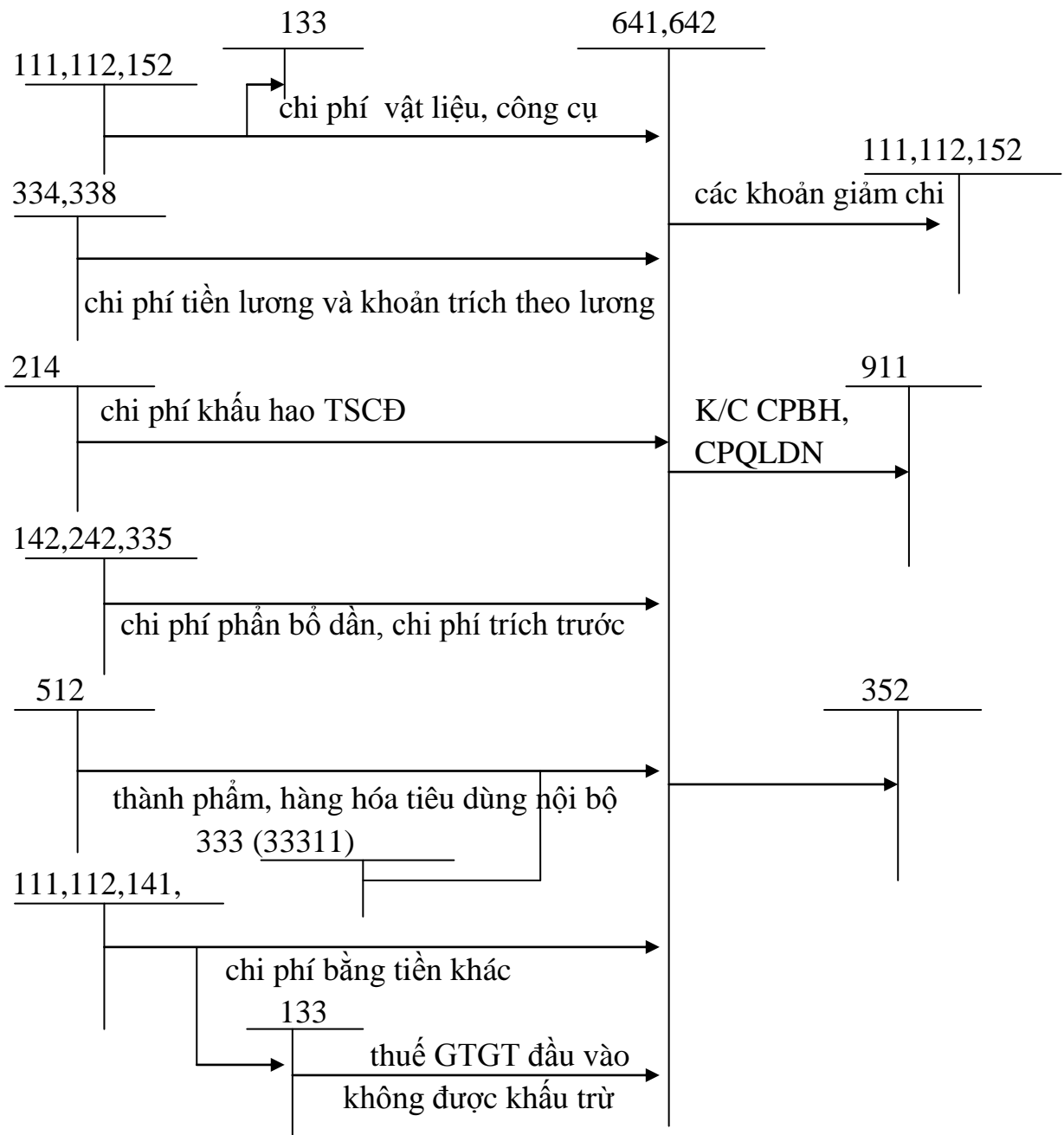
- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ

✓ **Bên có:**

- Các khoản được ghi phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911.

TK642 không có số dư cuối kỳ.

sơ đồ 1.11: : Phương pháp kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.4.3. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính :

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán đ- ợc h- ưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; Lãi cho thuê tài chính;...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho ng- ời khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu th- ơng mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...);
- Cổ tức, lợi nhuận đ- ợc chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu t- mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập chuyển nh- ợng, cho thuê cơ sở hạ tầng;
- Thu nhập về các hoạt động đầu t- khác;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nh- ợng vốn;

Chi phí tài chính:

Là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn hoặc ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí cho thuê tài sản cơ sở hạ tầng...

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng:

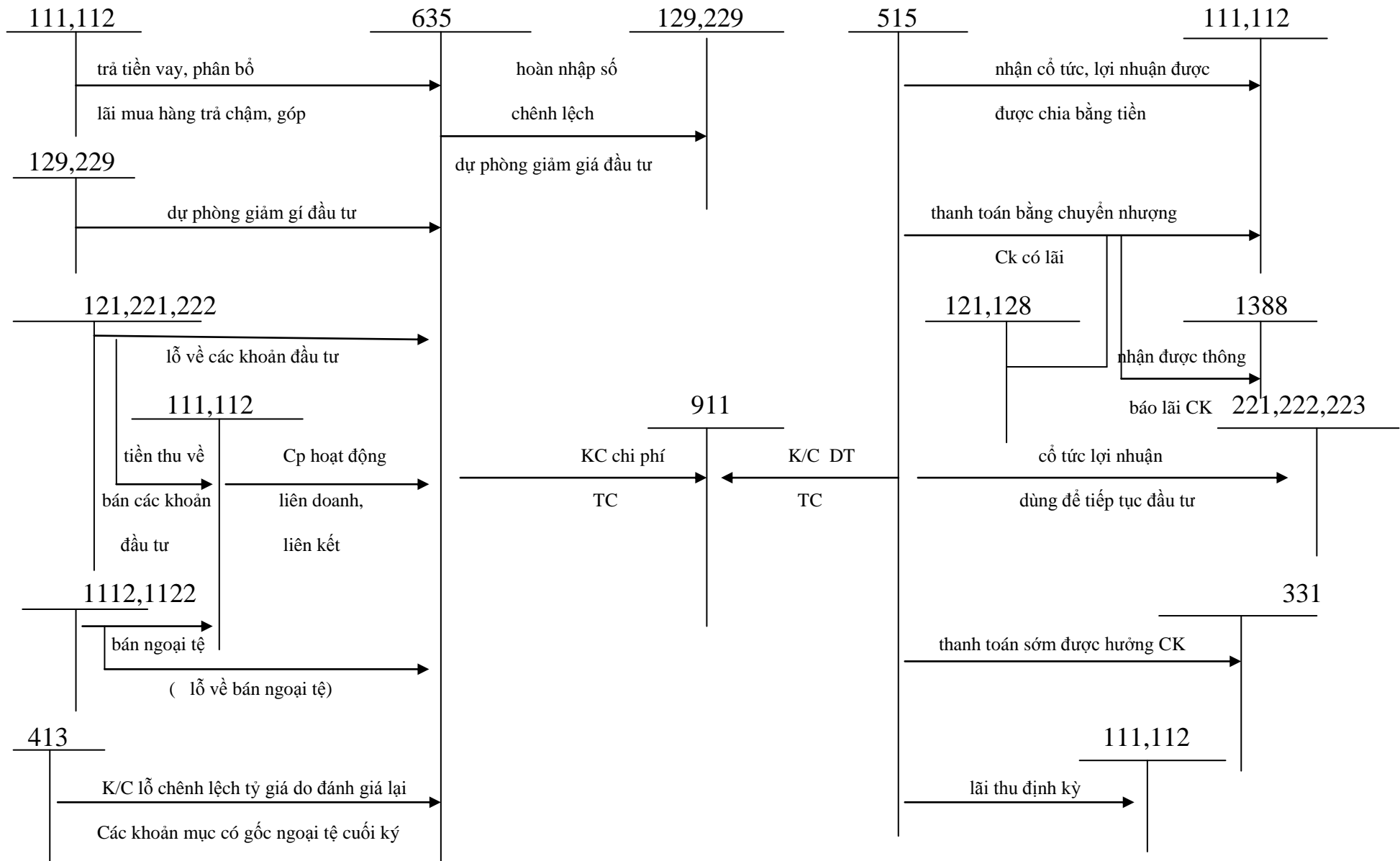
❖ *Tk 515 - doanh thu hoạt động tài chính*

✓ **Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tình theo pp trực tiếp (nếu có).

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tk911 – xác định kết quả kinh doanh
 - ✓ **Bên có:**
 - Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia.
 - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư xí nghiệp con, xí nghiệp liên doanh, xí nghiệp liên kết.
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng
 - Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì của hoạt động kinh doanh.
 - Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
 - Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của các hoạt động kinh doanh.
 - Kết chuyển hoặc phần bỏ lãi tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào các hoạt động doanh thu tài chính
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.
 - TK515 không có số dư cuối kì.**
 - ❖ **Tk635 - chi phí hoạt động tài chính.**
 - ✓ **Bên nợ:**
 - Các khoản chi phí hoạt động tài chính
 - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
 - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong thực tế.
 - ✓ **Bên có:**
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
 - Cuối kì, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kì để xác định kết quả kinh doanh.
- Tk635 không có số dư cuối kì**
Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.12: : Phương pháp kế toán doanh thu và chi phí tài chính



1.4.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động khác trong doanh nghiệp

Thu nhập khác:

Là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như thu tiền từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt do vi phạm hộ đồng... các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không tính doanh thu (nếu có). Thu từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

Chi phí khác:

Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng
- Những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp..
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, phiếu thu
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan.

✚ Tài khoản sử dụng:

❖ *Tk711 – thu nhập khác*

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế theo pp trực tiếp.
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tk911.

Bên có:

- Phản ánh toàn bộ khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tk711 không có số dư cuối kỳ.

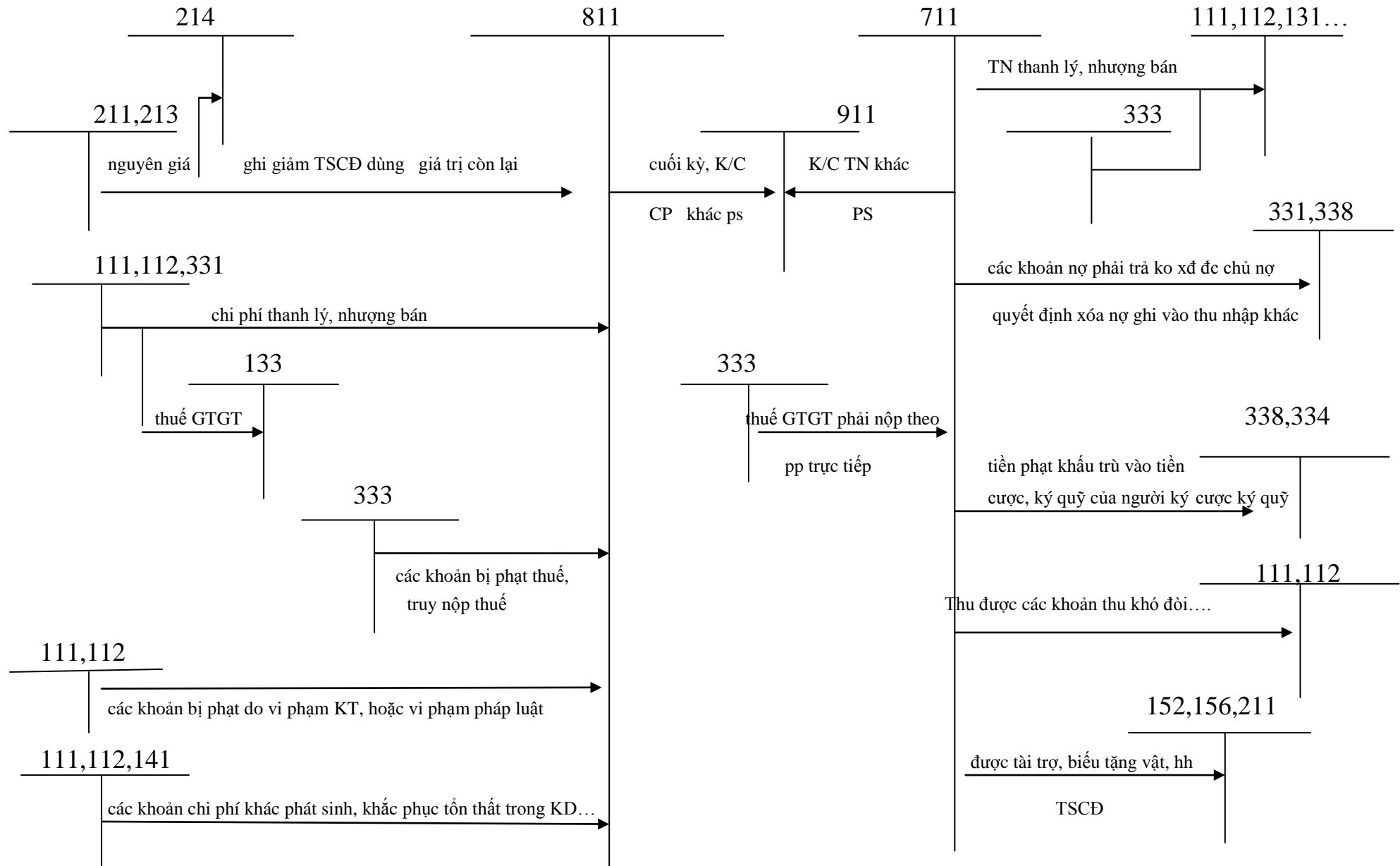
❖ *Tk811 – chi phí khác*

Bên nợ:

- Tập hợp tất cả các khoản chi phí khác trong kỳ.

Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí khác sang tk911
- Tk811 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.13: Phương pháp kế toán thu nhập và chi phí khác

1.4.5. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.5. 1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .

Để phản ánh tình hình tính thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

📌 Chứng từ sử dụng:

- Các chứng từ thông báo của cơ quan thuế về số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm
- Các chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào ngân sách Nhà nước (các giấy báo nợ của Ngân hàng)
- Báo cáo quyết toán thuế duyệt y : xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm

📌 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 821-** chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

✓ **Bên Nợ:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

✓ **Bên Có:**

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 8211 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” không có số dư cuối kỳ.

1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lỗ hay lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

✚ Chứng từ sử dụng:

- phiếu kế toán.
- Phiếu kế toán kết chuyển

✚ Tài khoản sử dụng

❖ **Tk911 – xác định kết quả kinh doanh**

TK này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kì kế toán năm.

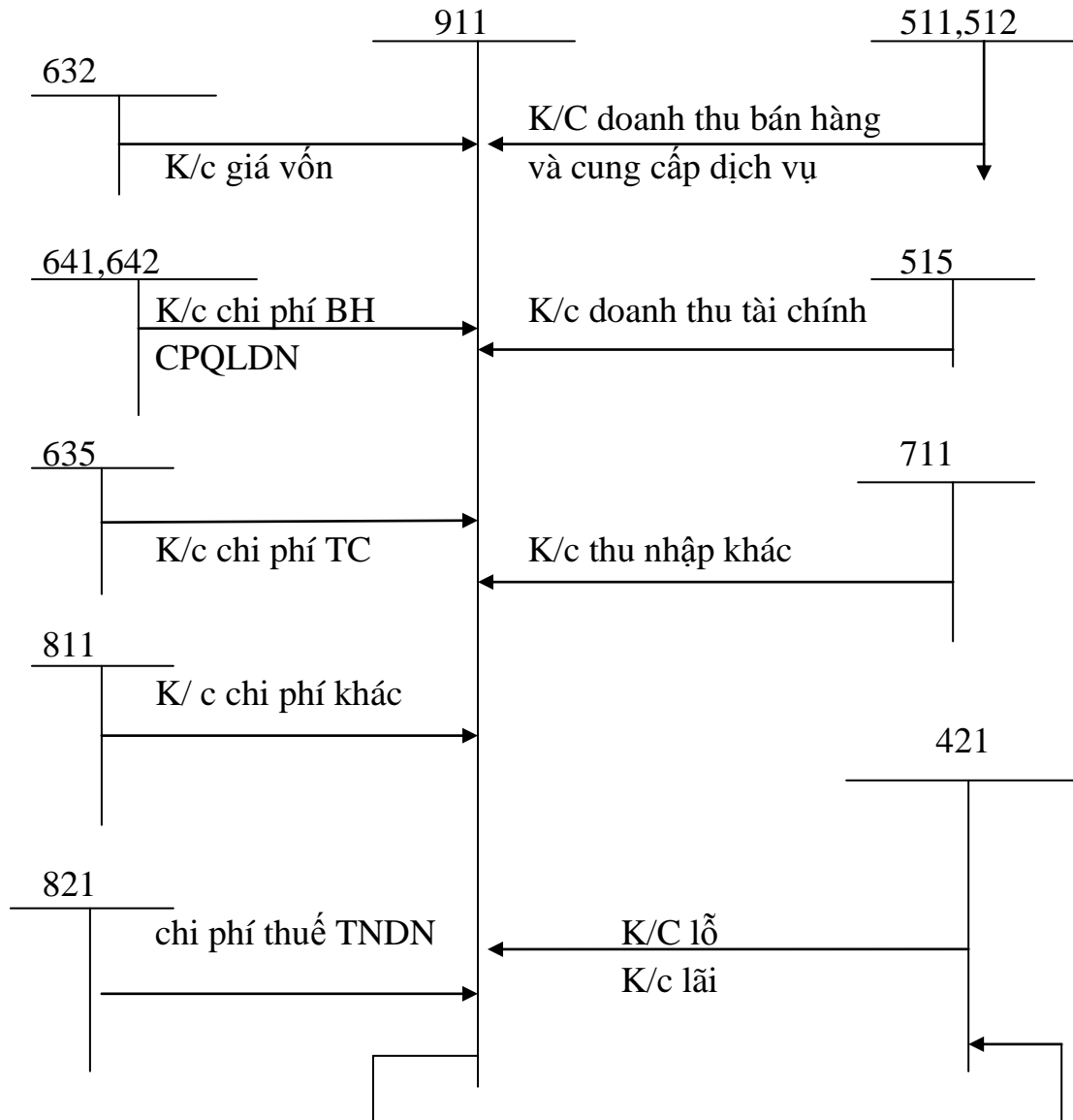
✓ **Bên nợ:**

- Trị giá vốn của SP, HH, BĐS đầu tư dịch vụ đã bán của doanh nghiệp.
- Chi phí bán hàng và QLDN.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và các khoản chi phí khác.
- Kết chuyển lãi.

✓ **Bên có:**

- Doanh thu thuần về số lượng SP, HH, BĐS đầu tư, dịch vụ đã bán của doanh nghiệp trong kì.
 - Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
 - Kết chuyển lỗ.
 - Tập hợp tất cả các số liệu phát sinh của TK911
- Tk911 không có số dư cuối kì.

Sơ đồ 1.14: Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



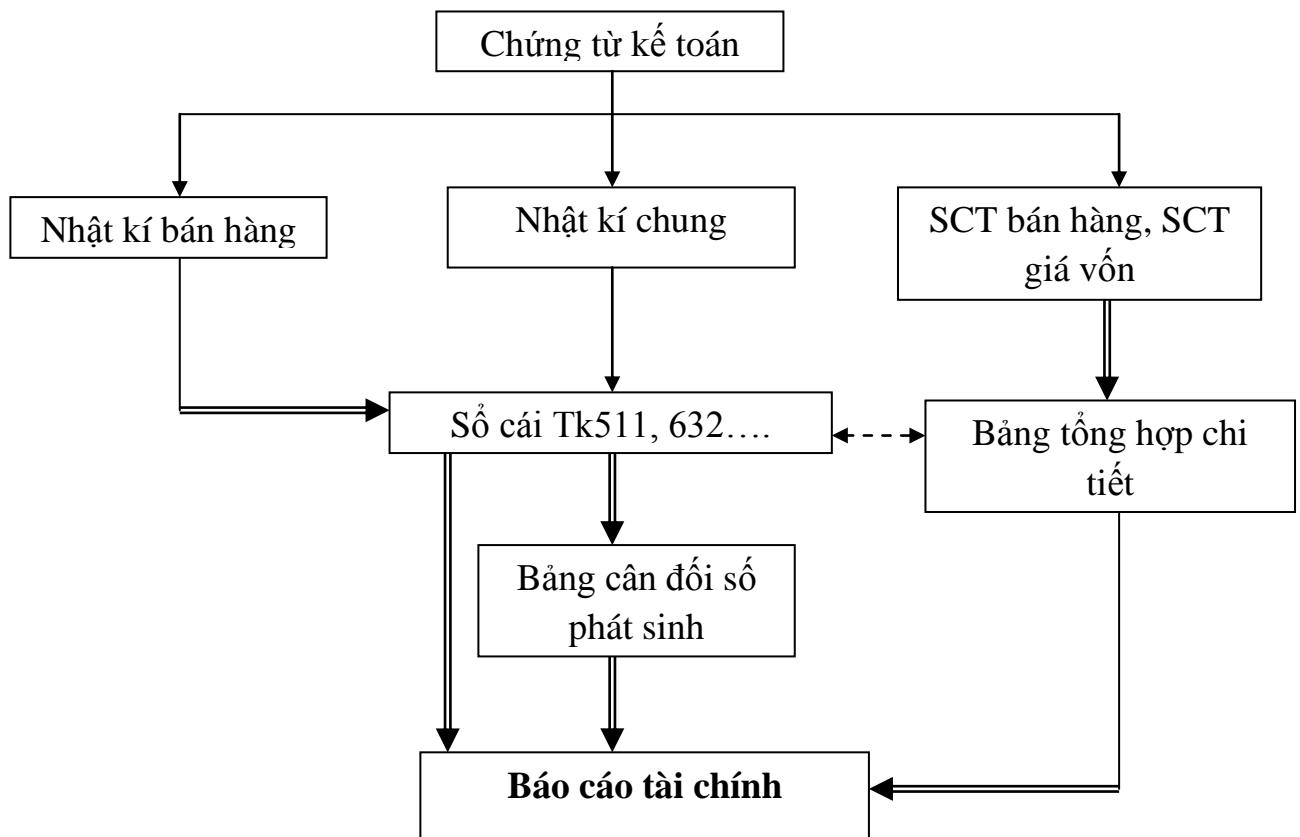
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC các doanh nghiệp được áp dụng một trong các hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán nhật kí- chứng từ
- Hình thức kế toán nhật kí sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Hình thức kế toán nhật ký chung**

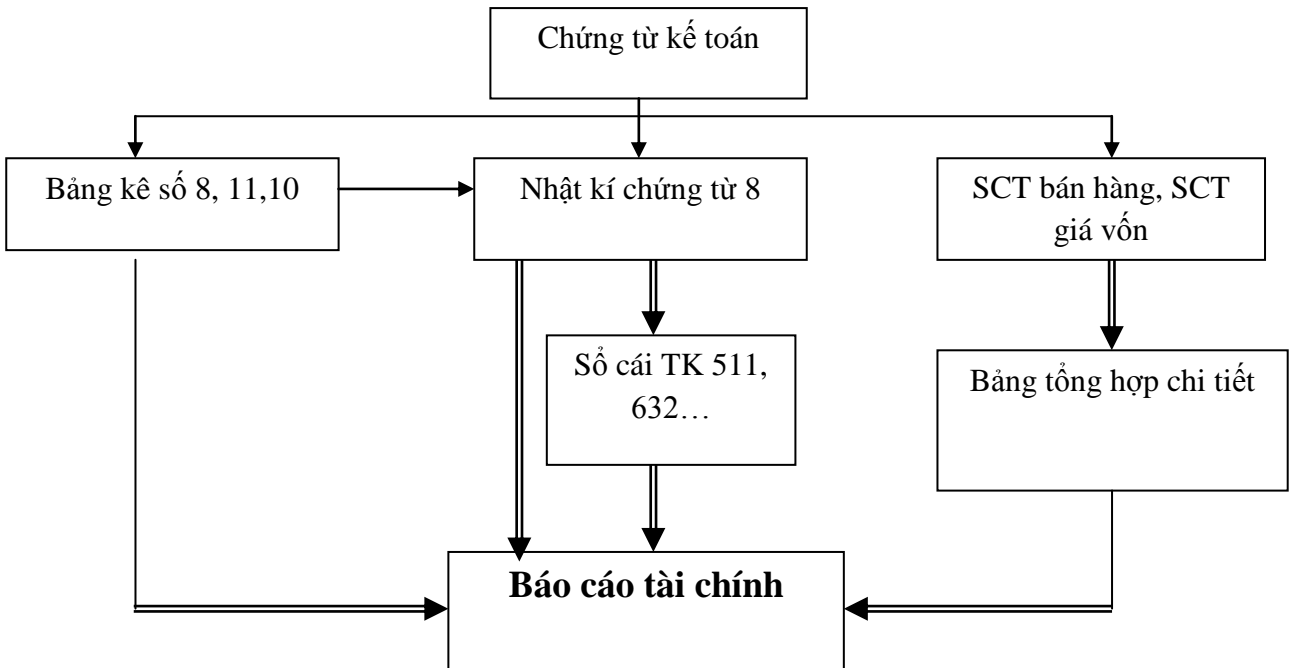
Sơ đồ 1.15: trình tự hạch toán theo hình thức nhật kí chung



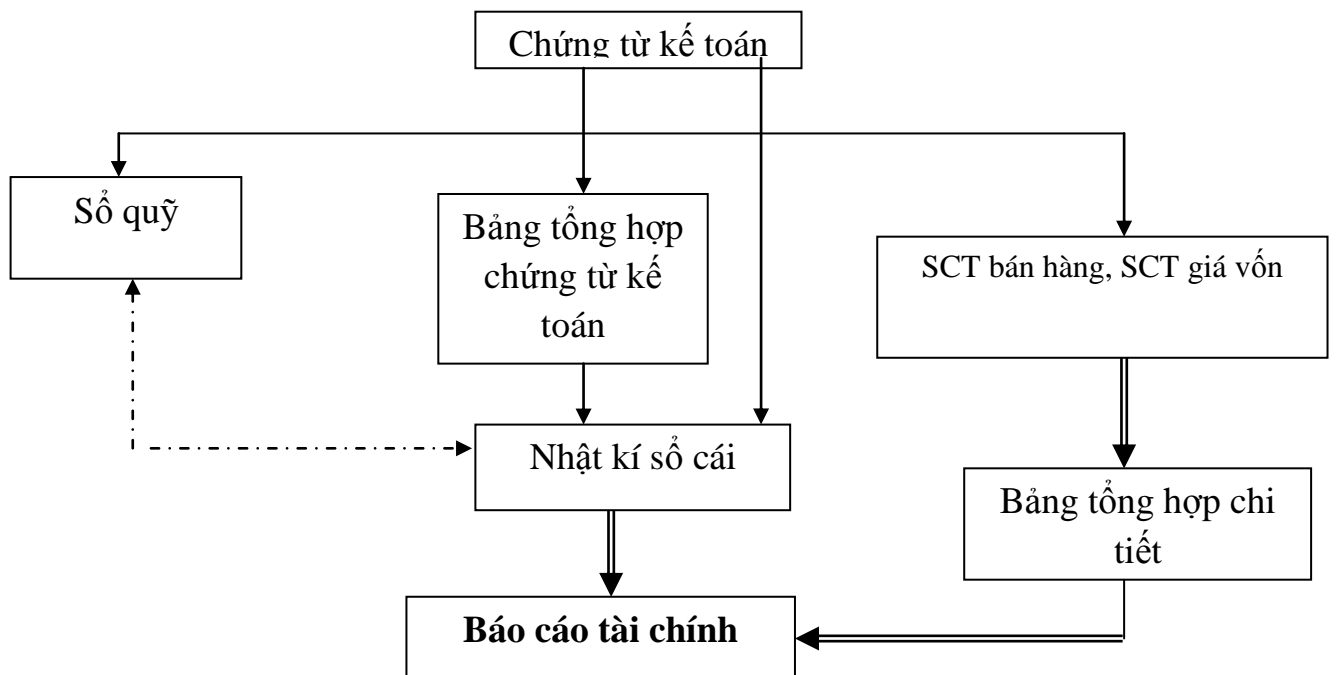
Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Đối chiếu kiểm tra

❖ Hình thức Nhật kí chứng từ



❖ Hình thức nhật kí sổ cái



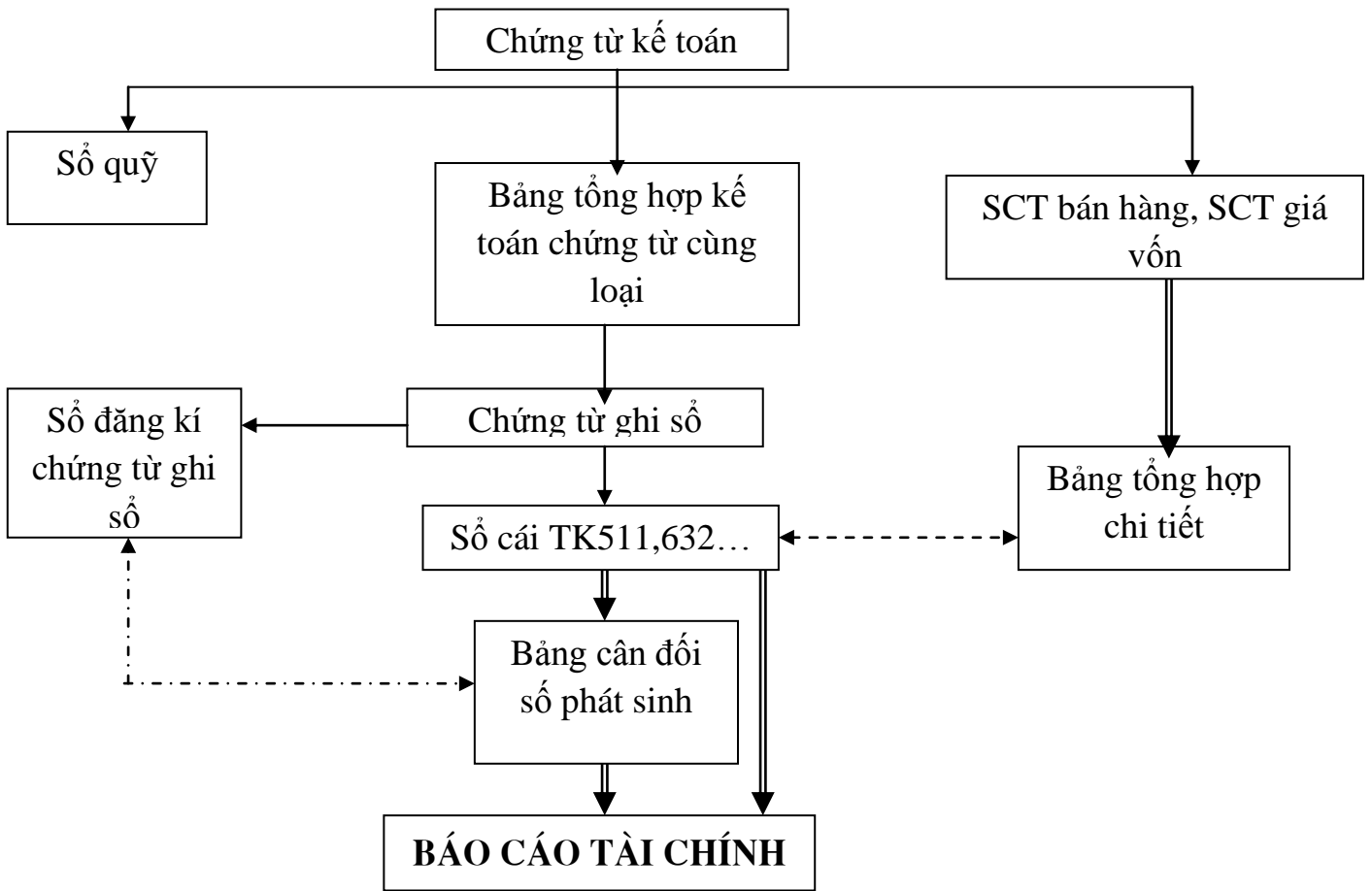
Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng

⇄ Đối chiếu kiểm tra

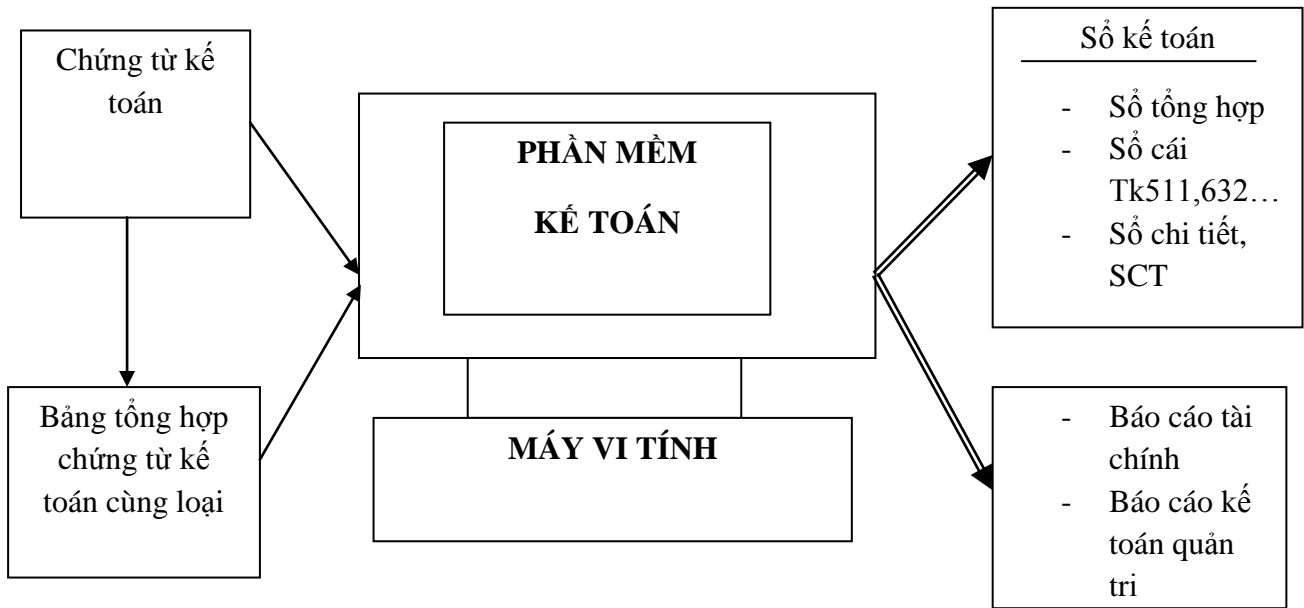
❖ Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu kiểm tra

❖ Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ⇄ Đối chiếu kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH THAN HUY HOÀNG

1. Giới thiệu Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng

1.1 Quá trình hình thành và phát triển của xí nghiệp

- Tên giao dịch: **Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng**
- Mã số thuế: 0200660469
- Giám đốc: Đào Quang Huy
- Địa chỉ: Tổ 1B, cụm 1, Quán Trữ, Phường Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng – Việt Nam
- Mã số thuế: 0200660469
- Số điện thoại: 0312242916
- Số tài khoản: 18087179 tại ngân hàng cổ phần thương mại Á Châu

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng theo quyết định số 0203002095 – QĐ của Bộ trưởng Bộ Thương Mại, là một thành viên của Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam. Xí nghiệp chuyên về chế biến, kinh doanh than, dịch vụ vận tải thủy nội địa. Sự hoạt động của Xí nghiệp tạo công ăn việc làm cho không ít người lao động và đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa của đất nước.

Xí nghiệp bắt đầu khởi công xây dựng từ năm 1991 đến năm 1994 thì hoàn thành và đi vào sản xuất, mang tên Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng. Xí Nghiệp có 3 phân xưởng sản xuất chính bao gồm: Phân xưởng sản xuất than tổ ong I, Phân xưởng sản xuất than tổ ong II, Phân xưởng than đá. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển cùng với những thành tựu đổi mới của đất nước Xí Nghiệp đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh. Bên cạnh đó cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ thông tin, Xí Nghiệp đã chú ý đầu tư vào sản xuất, từng bước đổi mới hiện đại hóa cơ sở, trang thiết bị. Đến năm 2003 Xí Nghiệp đã đổi tên thành Xí

nghiệp CB&KD than Huy Hoàng theo quyết định số 0203002095 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hải Phòng cấp.

Kể từ ngày 21/04/1003 Xí nghiệp chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần hóa. Do mới thay đổi mô hình Xí nghiệp nên bước đầu còn bỡ ngỡ trong công tác chỉ đạo, điều hành, các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, biện pháp đạt được còn khá khiêm tốn.

- Năm 2004 lợi nhuận đạt được còn thấp, cổ tức đạt tỷ lệ 7%/năm
- Năm 2005 tỷ lệ cổ tức đã tăng hơn năm trước 8%/năm

Nhìn chung trong thời gian hoạt động theo mô hình mới (5 năm) ban lãnh đạo càng như toàn thể các cán bộ công nhân viên trong Xí nghiệp đã nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, trở ngại để duy trì hoạt động của Xí nghiệp ở mức bình thường, từng bước ổn định và đi lên. Nhìn lại chặng đường đã đi qua mọi thành

viên trong Xí nghiệp luôn có ý thức trách nhiệm và tích cực hoàn thiện mình về mọi mặt để đảm đương và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần đưa Xí nghiệp ngày càng phát triển và thịnh vượng. Hiện Xí nghiệp đang thực hiện các nhiệm vụ SXKD cụ thể như sau:

- Ngành chính: Sản xuất và chế biến than các loại.
- Ngành phụ: Kinh doanh vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ nhà hàng.

Trong những năm qua Xí nghiệp đã tự khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, sản phẩm của Xí nghiệp đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng trong nội thành và các vùng lân cận.

Năm 2010 Xí nghiệp đã đón nhận danh hiệu “ Thương hiệu nổi tiếng vùng Duyên hải Đồng Bằng Bắc Bộ” và “ Huy chương vàng” , “Giấy chứng nhận danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn” theo quyết định khen thưởng số 624/ QĐ - LHH ngày 10/5/2007.

Năm 2009 Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc Xí nghiệp ông Đào Quan Huy được tặng cúp “lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc năm 2009” và danh hiệu “ Doanh nghiệp Việt Nam vàng 2009” theo quyết định số 68/ QĐ - CTHH.

Cùng với sự suy thoái, lạm phát của nền kinh tế Thế Giới và trong nước, Xí nghiệp đã gặp không ít những khó khăn trong công việc song do ban lãnh đạo Xí nghiệp có kinh nghiệm và năng lực kết hợp cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên trong

Xí nghiệp đoàn kết nên vẫn duy trì và ổn định việc SXKD, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong Xí nghiệp. Xí nghiệp đã được nhiều bạn hàng tin tưởng, cung cấp nguyên vật liệu, chất đốt cho hàng nghìn bạn hàng từ Nam ra Bắc.

1.3. Chức năng nhiệm vụ của Xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng

1.3.1 Chức năng: Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng là đơn vị sản xuất kinh doanh than các loại để phục vụ cho các ngành công nghiệp và cuộc sống hàng ngày của nhân dân trong thành phố và các vùng lân cận

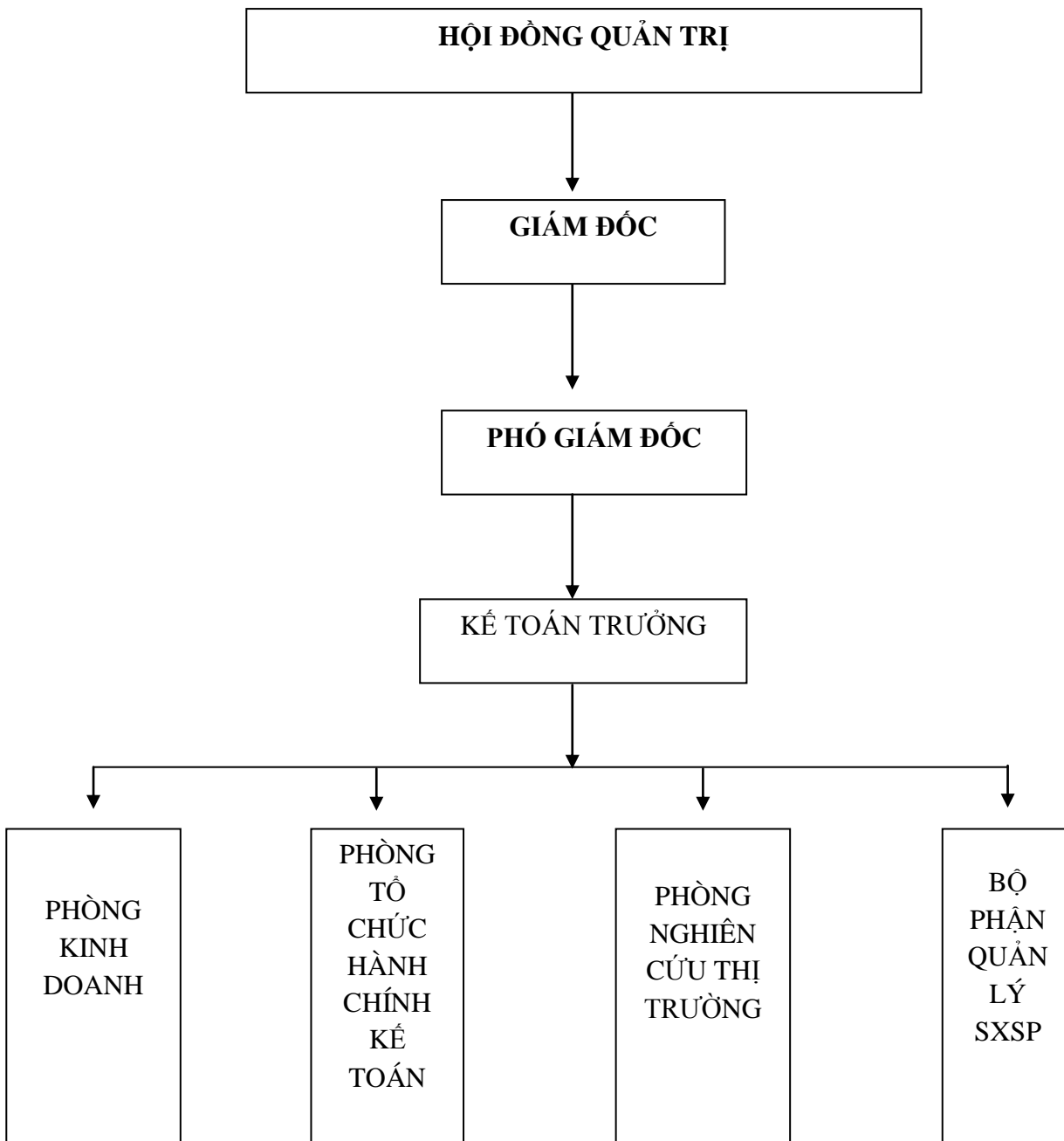
1.3.2 Nhiệm vụ: Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng là đơn vị hạch toán kinh doanh độc lập nên Xí nghiệp có nhiệm vụ tự bù trừ chi phí, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn, có nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước, chủ động học tập tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nước và trên thế giới để áp dụng vào sản xuất. Bên cạnh đó Xí nghiệp còn chú trọng đến công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy của Xí nghiệp

1.4.1 Hình thức tổ chức bộ máy quản lý

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng (được biểu hiện qua sơ đồ sau)

Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của Xí nghiệp



1.4.2. Chức năng nhiệm vụ của các cấp trong bộ máy quản lý

- **Giám đốc** : Do HĐQT của Xí nghiệp quyết định. Cổ đông có cổ phần đa số được bổ nhiệm là pháp nhân của Xí nghiệp, chịu trách nhiệm mọi mặt hoạt động trước Xí nghiệp và có trách nhiệm trước cơ quan pháp luật Nhà Nước. Tổ chức mọi mặt hoạt

động của Xí nghiệp, thực hiện theo chế độ một thủ trưởng được quyền đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng và các nhân viên trong Xí nghiệp.

- **Phú giám đốc** : Do HĐQT quyết định bổ nhiệm, là người có nhiệm vụ tham và giúp đỡ xây dựng các kế hoạch, phụ trách các công việc được phân công và được ủy quyền trong phạm vi giám đốc ủy nhiệm.

- **Kế toán trưởng**: Do HĐQT của Xí nghiệp quyết định bổ nhiệm, là người giúp Giám đốc Xí nghiệp thực hiện công việc quản lý tài chính – kế toán của Xí nghiệp, đơn đốc thực hiện các công tác về tài chính, kế toán của Xí nghiệp.

- **Phòng kinh doanh**: Tham mưu và giúp cho giám đốc về việc xây dựng các chiến lược kinh doanh, tổ chức giao nhận, khai thác thị trường hiện tại, tìm kiếm thị trường mớiđảm bảo nguồn hàng trong khâu mua hàng và tiêu thụ.

- **Phòng tổ chức hành chính Kế toán**:

+ Hạch toán, thống kê tổng hợp chi tiết các hoạt động thu, chi tài chính, chứng từ ghi sổ, sổ sách chuyên cho kế toán trưởng, quản lý nhân sự, quản lý dữ liệu thông tin và công văn tài liệu của Xí nghiệp theo quy định của Nhà nước. Tham mưu giúp việc cho giám đốc để thực hiện nghiêm túc của quy định về kế toán, tài chính hiện hành.

+ Thường xuyên cung cấp cho giám đốc thông tin tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Lập kế hoạch về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.

- **Phòng nghiên cứu, khai thác thị trường**:

Luôn theo dõi, nắm bắt kịp thời sự biến đổi của cơ chế quản lý và các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước. Cập nhật kịp thời thông tin nhu cầu, thị hiếu của khách hàng về các mặt hàng hoá mà Xí nghiệp cung cấp thị trường, lắng nghe sự phản ánh của khách hàng về mặt hàng đó. Đề xuất phương án kinh doanh hợp lý thúc đẩy quá trình sản xuất, kinh doanh phát triển mang lại lợi nhuận cao cho Xí nghiệp.

- **Bộ phận quản lý SXSP**:

Bộ phận này tổ chức quản lý sản xuất ra các loại sản phẩm có chất lượng phù hợp với từng loại khách hàng như khách hàng khối Aga cần than cục 4, Khối đóc đồng cần than cục 3 vàng danh,...

1.5. Tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp:

1.5.1.Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận tài chính của Xí nghiệp:

Bộ phận tài chính kế toán của Xí nghiệp là một bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp CP Than- Khoáng sản Hải Phòng, chịu sự quản lý trực tiếp của Xí nghiệp. Thực hiện chức năng tham mưu cho Giám đốc Xí nghiệp trong lĩnh vực tài chính, kế toán, tổ chức thực hiện các công tác tài chính kế toán theo đúng quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ của bộ phận tài chính kế toán là nghiên cứu, tổ chức hệ thống kế toán của Xí nghiệp theo đúng pháp luật.

Kiểm tra việc chấp hành chế độ tài chính kế toán trong toàn Xí nghiệp theo đúng quy định, tổ chức ghi chép thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các hoạt động kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

Xác định giá thành, quản lý giá mua, giá bán, chi phí, doanh thu tại văn phòng Xí nghiệp.

Tổ chức thực hiện, tổng hợp và lập báo cáo quyết toán tài chính của Xí nghiệp theo quy định của Nhà nước. Theo dõi đơn đốc công nợ của khách hàng. Tổ chức nộp thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Quản lý cửa hàng, bến bãi, quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Trích lập và quản lý các nguồn vốn của Xí nghiệp. Quản lý và sử dụng đúng mục đích các tài sản, trang thiết bị, lập kế hoạch khấu hao hợp lý theo yêu cầu của Xí nghiệp đề ra.

Thực hiện một số các nghiệp vụ tài chính khác do Ban giám đốc phân công.

Về nhân sự bộ máy kế toán của Xí nghiệp (Phòng kế toán) bao gồm 7 thành viên mỗi người có chức năng nhiệm vụ khác nhau :

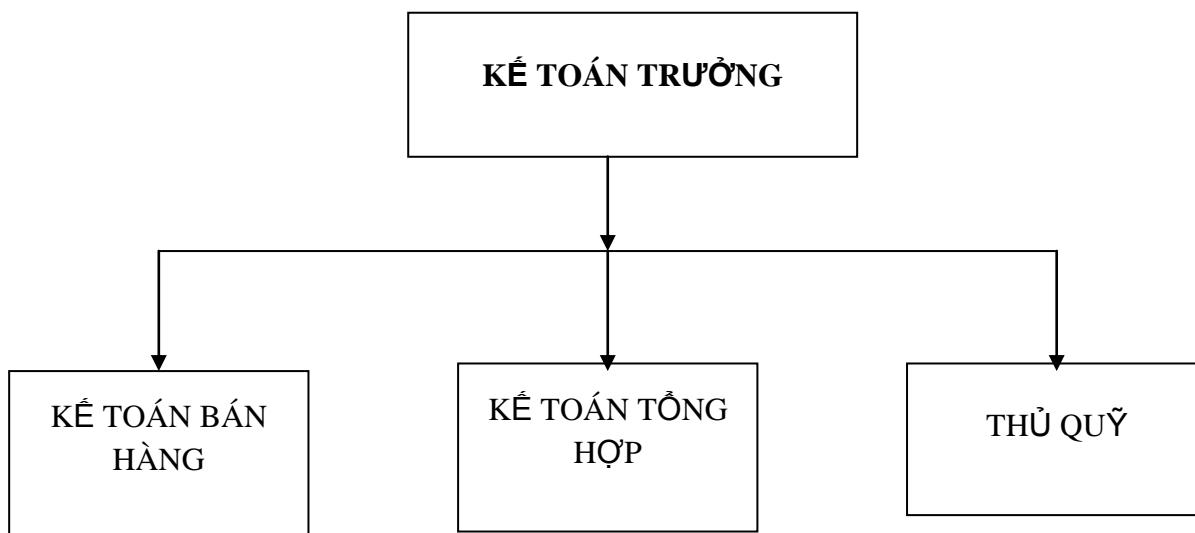
- Kế toán trưởng : Là người điều hành mọi công việc của Phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt các chứng từ kế toán trước khi trình ban giám đốc, đồng thời ký duyệt quyết toán quý ,năm theo đúng quy trình kinh doanh .Kế toán trưởng đồng thời phụ trách kế toán tiêu thụ và tính kết quả kinh doanh .

- Kế toán tổng hợp : Là người có trách nhiệm tổng hợp các số liệu từ các kế toán viên để lập các báo cáo tổng hợp và có trách nhiệm quản lý hạch toán tài sản cố định.

- Kế toán bán hàng: Là người có nhiệm vụ hạch toán quy trình bán hàng và thu nợ, theo dõi các khoản phải thu của khách hàng ứng với từng khách hàng ,viết phiếu thu .Thực hiện các nhiệm vụ khác do kế toán trưởng giao . Kế toán bán hàng gồm 4 người, phụ trách ba phân xưởng khác nhau.

- Thủ quỹ là người có nhiệm vụ thu ,chi tiền mặt theo quyết định của người có thẩm quyền trong Xí nghiệp .Khi có lệnh của cấp trên ký duyệt về việc chi một khoản nào đó thì thủ quỹ phải viết phiếu chi và theo sổ quỹ cuối năm so sánh giữa sổ quỹ của thủ quỹ với sổ sách của kế toán phải trùng khớp .Số dư cuối cùng trên sổ quỹ phải khớp với số dư bên nợ của tài khoản 111

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của Xí nghiệp



1.6. Các chính sách kế toán đang áp dụng tại xí nghiệp :

1.6.1 Chế độ kế toán :

Xí nghiệp ghi nhận doanh thu theo nguyên tắc quy định trong chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

Niên độ kế toán : bắt đầu ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức sổ kế toán áp dụng :Nhật ký chung.

1.6.2 Phương pháp kế toán tài sản cố định :

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản; tỉ lệ khấu hao theo Quyết định số

15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

1.6.3 Phương pháp kế toán hàng tồn kho :

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho : theo giá thực tế và chi phí liên quan.

Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Giá vốn chủ yếu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm cả những chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng.

1.6.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để ghi chép công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (ký hiệu quốc tế : VND)

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác : những nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng đồng tiền khác được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Vietcombank Hải Phòng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ (riêng doanh thu bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng). Chênh lệch phát sinh do việc chuyển đổi được thể hiện trên tài khoản chênh lệch tỷ giá, cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm hiện hành.

Những tài sản bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ khác được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí Nghiệp Chế Biển và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại Xí Nghiệp Chế Biển và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

❖ Đặc điểm về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp

Xí nghiệp ghi nhận doanh thu theo nguyên tắc quy định trong kế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

Hình thức bán hàng: bán hàng theo phương pháp trực tiếp

Hình thức thanh toán:

- Hình thức trả tiền ngay: trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng. Hình thức này áp dụng với mọi khách hàng để đảm bảo thu hồi vốn nhanh nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, tránh trường hợp chiếm dụng vốn.

- Hình thức bán chịu đối với khách hàng lớn, có tiềm lực về tài chính, khách hàng truyền thống.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có ngân hàng
- Phiếu xuất kho...

❖ Tài khoản sử dụng

- TK131 – Phải thu khách hàng
 - TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Xí nghiệp chỉ có tài khoản cấp 1.

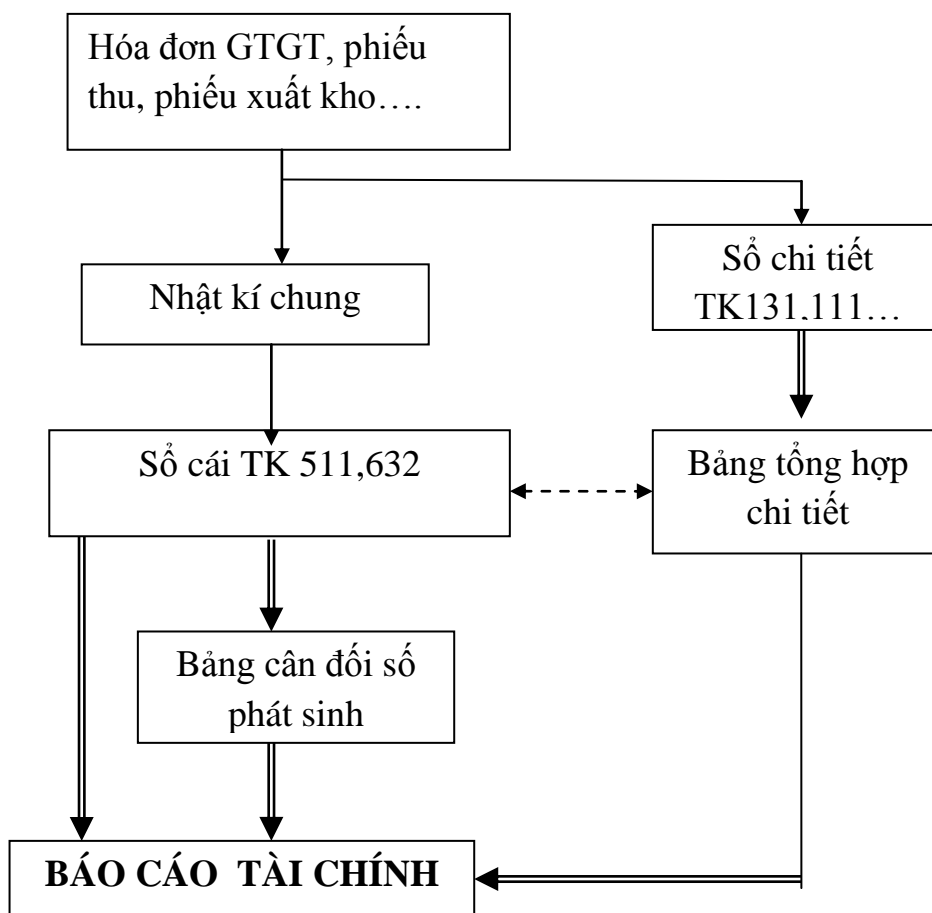
TK632 – Giá vốn hàng bán:

Kế toán bán hàng sử dụng TK 632 phản ánh giá vốn hàng xuất bán. Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ và tính trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.

Tình hình hàng hoá nhập, xuất, tồn trong tháng được kế toán theo dõi trên sổ chi tiết tài khoản 156 và sổ chi tiết TK 632 để phản ánh trị giá vốn xuất bán. Cuối tháng dựa vào

sổ chi tiết hàng hoá, phiếu xuất kho đã xuất đi trong tháng và sổ chi tiết TK 632 kế toán lập bảng kê tổng hợp các mặt hàng xuất bán trong tháng theo giá vốn.

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- <-.-.-.-> Đối chiếu kiểm tra

Khi xuất hàng giao cho khách hàng theo điều kiện ghi trong hợp đồng. Phòng kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu. Khi ghi nhận doanh thu công ty sử dụng Hoá đơn giá trị gia tăng (hoá đơn đỏ), hoá đơn được lập thành 3 liên. (liên 1: Lưu, liên 2: giao cho khách hàng, liên 3: Giao cho thủ quỹ), sau khi xem xét hình thức thanh toán nếu khách hàng thanh toán ngay kế toán lập phiếu thu gồm 3 liên sau đó gửi cả 3 liên này sang cho

thủ quỹ, thủ quỹ nhận được hóa đơn GTGT và phiếu thu gồm 3 liên do kế toán chuyển sang, thủ quỹ xem xét tiến hành thu tiền. Dựa trên hóa đơn GTGT kế toán tiến hành và sổ nhật kí chung và sổ cái doanh thu (TK511) và sổ cái giá vốn hàng bán (TK632)

- Ngày 1/04/2010 Xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng xuất bán 12.50 tấn than Cám 6^a giá 450.000đồng/tấn tại trạm than Cầu Niệm cho Xí nghiệp An Bình.

Tiền bán chưa có GTGT: 5.625.000 (đồng)

Tiền thuế GTGT (10%): 562.500(đồng)

Tổng giá thanh toán: 6.187.500 (đồng)

- Ngày 19/04/2010 Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng xuất bán tại trạm Cầu Niệm cho Xí nghiệp TNHH Huy Hiền 6,5 tấn than cục đơn giá 2.670.000 đồng/tấn

Tiền bán chưa có GTGT: 17.335.000(đồng)

Tiền thuế GTGT (10%): 1.735.500(đồng)

Tổng giá thanh toán: 19.090.500(đồng)

- Ngày 30/4/2010 Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng xuất bán tại trạm Cầu Niệm cho doanh nghiệp tư nhân Hùng Trọng:

Than cục 5(107,53 tấn) : 1.600.000 đồng/tấn

Than cục 3(334,73 tấn) : 2.300.000 đồng/tấn

Tiền bán chưa có GTGT: 941.927.000(đồng)

Tiền thuế GTGT (10%): 94.192.700(đồng)

Tổng giá thanh toán: 1.036.119.700(đồng)

Dựa trên hợp đồng hoặc đơn đặt hàng của khách hàng phòng kinh doanh cân hàng và ghi phiếu xuất kho gửi lên phòng kế toán để kế toán viên viết hóa đơn GTGT, liên 2 của hóa đơn GTGT sẽ được gửi cho khách hàng , liên 3 sẽ giao cho thủ quỹ để viết phiếu thu, liên 1 được lưu và căn cứ vào đó sẽ vào sổ nhật kí chung , doanh thu sẽ được hạch toán chi tiết vào sổ cái và sổ chi tiết tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK511) và sổ cái giá vốn hàng bán(TK632) theo thứ tự như sau:

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số 02 / VT
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ tr-ởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 1 tháng 04 năm 2010

Số : 06/04

Nợ: 632

Có : 156

Họ tên người nhận hàng: Phạm Thị Mùa

Địa chỉ (bộ phận): kinh doanh

Lý do xuất hàng: bán hàng

Xuất tại kho: than cám 6a

TT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cám 6a		Tấn	12,5			
	Cộng:						

Cộng thành tiền:

K.T trưởng

Thủ Kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Thủ trưởng đơn vị

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Biểu 2.1 Phiếu xuất kho

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số 02 / VT
 Ban hàng theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 04 năm 2010

Số : 15/04

Nợ: 632

Có : 156

Họ tên người nhận hàng: Vũ Bích Hiền

Địa chỉ (bộ phận): kinh doanh

Lý do xuất hàng: bán hàng

Xuất tại kho: than cục

TT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cục		Tấn	6,5			
	Cộng:						

Cộng thành tiền:

K.T trưởng

Thủ Kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Thủ trưởng đơn vị

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Biểu 2.2 Phiếu xuất kho

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số 02 / VT
 Ban hàng theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ tr-ởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Số : 50/04

Nợ: 632

Có : 156

Họ tên người nhận hàng: Đào Thanh Hà

Địa chỉ (bộ phận): kinh doanh

Lý do xuất hàng: bán hàng

Xuất tại kho: Than cục 5; Than cục 3

TT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cục 5		Tấn	107,53			
2	Than cục 3		Tấn	334,73			
	Cộng:						

Cộng thành tiền:

K.T trưởng

Thủ Kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Thủ trưởng đơn vị

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Biểu 2.3 Phiếu xuất kho

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3LL
EE/2010B

0018916

Liên 1: Lưu

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp chế biến vữa và kinh doanh than Huy Hoàng.....

Địa chỉ: Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Số tài khoản:....18087179.....

Điện thoại.....MS

0	2	0	0	4	4	8	4	5	5	-	-	-
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Hùng Trọng.....

Địa chỉ: Số 310 Nguyễn Thị Thập, P.Tân Dục, Q7, TPHCM.....

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:..TM.....MS

0	3	0	1	5	6	9	2	3	0	-	-	-
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Than cục 5	Tấn	107,53	1.600.000,	172.048.000,
	Than cục 3	Tấn	334,73	2.300.000,	769.879.000,
Cộng tiền hàng					941.927.000,
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			94.192.700,
Tổng cộng tiền thanh toán					1.036.119.700,
Số tiền viết bằng chữ: <Một tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, một trăm mười chín ngàn, bảy trăm đồng >					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Biểu 2.5 Hóa đơn giá trị gia tăng

Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số 01 / TT

Ban hàng theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC

PHIẾU THU

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Số: 50/04

NỢ: 111

CÓ: 511/3331

Họ tên người nộp tiền: Đào Thanh Hà

Địa chỉ: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng

Lý do nộp: thu tiền bán hàng

Số tiền: 1.036.119.700

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, một trăm mười chín ngàn bảy trăm đồng

Kèm theo: chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: 1.036.119.700

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Giám đốc	Kế toán tr- ởng	Ng- ời lập phiếu	Ng- ời nộp	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.6 Phiếu thu

Từ các hóa đơn GTGT, phiếu thu , phiếu chi như trên kế toán làm căn cứ ghi vào sổ nhật kí chung như sau:

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành kèm theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang:				22.098.178.510	22.098.178.510
...
01/04	HĐ0018890	01/04	Doanh thu bán hàng cho cty An Bình		661	131	6.187.500	
					662	511		5.625.000
					663	333		562.500
01/04	PXK06/04	01/04	Xuất hàng hóa theo HĐ0018890		670	632	3.937.500	
					671	156		3.937.500
....
19/04	HĐ0018904	19/04	Doanh thu bán hàng cho cty TNHH Huy Hiền		722	131	19.090.500	
					723	511		17.335.000
					724	333		1.735.500
19/04	PXK15/04	19/04	Xuất hàng hóa theo HĐ0018904		730	632	12.148.500	
					731	156		12.148.500
30/04	HĐ0018916	30/04	Doanh thu bán hàng cho DNTN Hùng Trọng		791	111	1.036.119.700	
					792	511		941.927.000
					793	333		94.192.700
			Cộng chuyển sang trang sau:	x	x	x	23.177.129.830	23.177.129.830

STT	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang:		795		23.177.129.830	23.177.129.830
30/04	PXK50/04	30/04	Xuất hàng hóa theo HĐ0018916		796	632	659.348.900	
					797	156		659.348.900
...
			Tổng số phát sinh:		814		25.347.366.579	25.347.366.579

- Sổ này có 42 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 42.
- Ngày mở sổ 1/1/2010

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.7 Trích Sổ Nhật Ký Chung

Từ sổ nhật ký chung kế toán vào các sổ cái tài khoản theo mẫu như sau:

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 4 Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu tài khoản: 511

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
01/04	HĐ0018890	01/04	Doanh thu bán hàng cho cty An Bình	38	131		5.625.000
...
19/04	HĐ0018904	19/04	Doanh thu bán hàng cho cty TNHH Huy Hiền	39	131		17.335.000
...
30/04	HĐ0018916	30/04	Doanh thu bán hàng cho DNTN Hùng Trọng	40	111		94.192.700
30/04	K/C	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng xác định kết quả kinh doanh	42	911	12.131.224.530	
			Cộng số phát sinh:			12.231.224.530	12.231.224.530
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.8 Trích sổ cái TK511

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu tài khoản: 632

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang số nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
01/04	PXK06/04	01/04	Giá vốn hàng bán cho cty An Bình	38	156	3.937.500	
...
19/04	PXK15/04	19/04	Giá vốn hàng bán cho cty TNHH Huy Hiền	39	156	12.148.500	
...
30/04	PXK51/04	30/04	Giá vốn hàng bán cho DNTN Hùng Trọng	40	156	659.348.900	
...
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định kết quả kinh doanh	42	911		10.962.647.360
			Cộng số phát sinh:			10.962.647.360	10.962.647.360
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.9 Trích sổ cái TK632

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Xí nghiệp

Kế toán sử dụng tài khoản 642 phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí về lương nhân viên ở bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế Môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, xăng, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Hội nghị khách hàng...)

Tương tự với TK641, mọi nghiệp vụ phát sinh đều được DN chi bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí công nhân viên tại bộ phận bán hàng đều được phản ánh vào tài khoản này....

Cuối tháng kế toán đối chiếu các phiếu chi, hoặc các giấy báo nợ do ngân hàng gửi về, với số liệu trên sổ chi tiết TK 641,642 rồi khoá sổ lập các phiếu kế toán phản ánh chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong tháng. Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ Đặc điểm kế toán chi phí bán hàng tại xí nghiệp

Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí bằng tiền khác...

❖ Đặc điểm kế toán chi phí BH&QLDN

Chi phí BH&QLDN bao gồm chi phí quản lý, chi phí đồ dùng, chi phí khấu hao, thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

❖ Chứng từ sử dụng

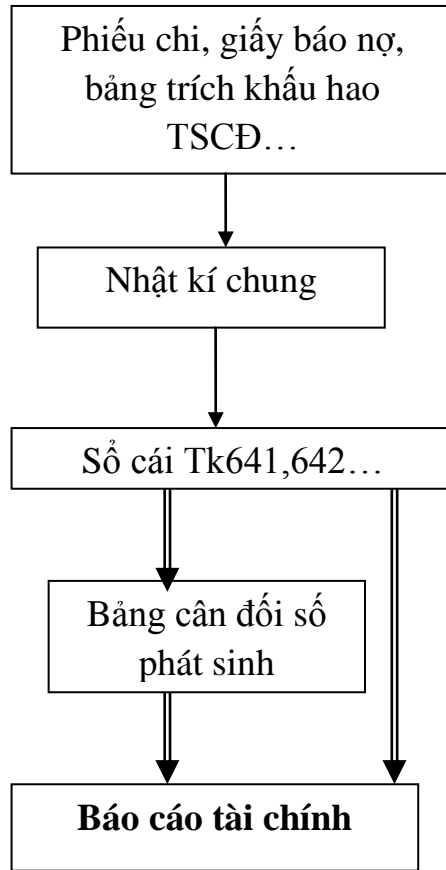
- Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Tk641: chi phí bán hàng

TK642: chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 2.3: quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ⇌ Đối chiếu kiểm tra

Ví dụ minh họa:

- Ngày 10 tháng 04 năm 2010, chi tiền cho Cao Thu Hương thanh toán tiền điện thoại VNPT số tiền 866.335 VNĐ.
- Ngày 06 tháng 04 năm 2010, chi tiền cho Phạm Thị Mùa thanh toán tiền tiếp khách cho Xí nghiệp TNHH dịch vụ và thương mại Việt Hàn, số tiền 2.200.000VNĐ.
- Ngày 28 tháng 04 năm 2010, chi tiền cho Phạm Thị Mùa thanh toán tiền tiếp khách cho Xí nghiệp TNHH Dịch vụ và thương mại Việt Hàn, số tiền 3.300.000 VNĐ.
- Ngày 29 tháng 04 năm 2010, chi tiền cho Cao Thu Hương thanh toán tiền vận chuyển cho Xí nghiệp CPVT TM & DV Đất cảng, số tiền 4.406.000 VNĐ.

Kế toán công ty thực hiện các bước sau: dựa vào các HD GTGT, phiếu chi, bảng trích lập khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương kế toán vào sổ nhật kí chung rồi vào sổ cái các tài khoản như sau.

Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số 02 / TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 04 năm 2010

Số: 08/04

NỢ: 6417

CÓ: 111

Họ tên người nhận tiền: Cao Thu Hương

Địa chỉ: phòng kinh doanh

Lý do chi: thanh toán tiền cước viễn thông VNPT kỳ tháng 3.

Số tiền: 866.335

Số tiền bằng chữ: tám trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi năm đồng.

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: 866.335

Ngày 10 tháng 04 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.12 Phiếu chi

Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số 02 / TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 06 tháng 04 năm 2010

Số: 03/04

NỢ: 6427

CÓ: 111

Họ tên người nhận tiền: Phạm Thị Mùa

Địa chỉ: phòng kinh doanh

Lý do chi: thanh toán tiền tiếp khách Xí nghiệp TNHH DV và TM Việt Hàn

Số tiền: 2.200.000

Số tiền bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: 2.200.000

Ngày 06 tháng 04 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.13 Phiếu chi

Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số 02 / TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 04 năm 2010

Số: 21/04

NỢ: 6417

CÓ: 111

Họ tên người nhận tiền: Phạm Thị Mùa

Địa chỉ: phòng kinh doanh

Lý do chi: thanh toán tiền tiếp khách Xí nghiệp TNHH DV và TM Việt Hàn

Số tiền: 3.300.000

Số tiền bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: 3.300.000

Ngày 28 tháng 04 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.14 Phiếu chi

Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số 02 / TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 04 năm 2010

Số: 22/04

NỢ: 6427

CÓ: 111

Họ tên người nhận tiền: Cao Thu Hương

Địa chỉ: phòng kinh doanh

Lý do chi: thanh toán tiền cước vận chuyển cho Cty CP vận tải TM và DV Đất cảng

Số tiền: 4.406.000

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm linh sáu nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: 4.406.000

Ngày 28 tháng 04 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.15 Phiếu chi

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng

Cụm I - Lãm Hà - Kiến An - HP

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

Năm 2010

T T	Mã TS	Tên TSCĐ	Ngày đưa vào SD	Thời hạn SD	Nguyên giá	Khấu hao 1 tháng	Khấu hao năm	Giá trị còn lại
1	PT1	Máy điều hoà National	5/1	5	18.080.000	301333.3	3615999	14.464.001
2	TBI	Máy in LaSet 6P	27/1	5	11.474.000	191233.3	2294800	9.179.200
3	TBP	Máy photocopy Shap	11/2	5	43.115.000	718583.3	7904417	35.210.583
4	TBV	Máy VT DIGITAL	20/2	5	17.600.000	293333.3	3226667	14.373.333
5	TBVA	Máy VT AT 486 ĐNA	10/3	5	19.562.000	326033.3	3260333	16.301.667
6	TBIL	Máy in LaSet500A	28/3	5	25.544.000	425733.3	4257333	21.286.667

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.16 Bảng tính khấu hao TSCĐ

**Đơn vị: Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng
Cụm I - Lãm Hà - Kiến An - HP**

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 04 năm 2010

(Trích dẫn số liệu)

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Nơi sử dụng		TK 642	TK614
			NG TSCĐ	Số khấu hao		
I	Số khấu hao đã trích tháng trước					
II	Số khấu hao tăng tháng này		45.106.000	751.766	751.766	
1	Máy điều hòa National	5	19.562.000	326.033		326.033
2	Máy in LaSet 6P	5	25.544.000	425.733	425.733	
III	Số khấu hao giảm tháng này		0	0	0	
IV	Số khấu hao phải trích tháng này			751.766	425.733	326.033

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.17 Bảng phân bổ khấu hao

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng

Cụm I – Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG
tháng 04 năm 2010

S T T	Ghi có TK Ghi nợ TK	TK 334: Phải trả CNV			TK 338: Phải trả phải nộp khác					TK 335	Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Cộng có TK 334	338(2)	338(3)	338(4)	338(9)	Cộng có TK 338		
1	TK 622: CP nhân công TT	29.998.000		29.998.000	599.960	4.799.680	899.940	299.980	6.599.560		36.597.560
2	TK 627: CP sản xuất chung	4.725.000		4.725.000	94.500	756.000	141.750	47.250	1.039.500		5.764.500
3	TK 641: CP bán hàng	13.609.090		13.609.090	272.182	2.177.454	408.273	136.091	2.994.000		16.603.090
4	TK 642: CP quản lý DN	22.094.545		22.094.545	441.891	3.535.127	662.836	220.945	4.860.799		26.955.344
5	TK 334: phải trả người LĐ					4.225.598	1.056.400		5.281.998		
	Tổng cộng			70.426.635	1.408.533	15.493.859	3.169.199		20.775.857		85.920.494

Hải Phòng ngày 30 tháng 04 năm 2010

người lập biểu
(Ký, họ tên)

kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu 2.18 BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Căn cứ theo các hóa đơn GTGT, các bảng trích KH và phân bổ lương như trên kế toán làm căn cứ ghi sổ nhật ký chung, sổ cái như sau:

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 4 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang:				21.380.003.920	21.380.003.920
...
06/04	PC03/04	06/04	Thanh toán tiền tiếp khách cho Cty DV & TM Việt Hàn		605	642	2.000.000	
					606	133	200.000	
					607	111		2.200.000
...
10/04	PC08/04	10/04	Chi tiền thanh toán tiền điện thoại VNPT		643	641	787.577	
					644	133	78.758	
					645	111		866.335
...
28/04	PC21/04	28/04	Thanh toán tiền tiếp khách cho Cty DV & TM Việt Hàn		807	642	3.000.000	
					808	133	300.000	
					809	111		3.300.000
28/04	BPBLT4	29/04	Lương phải trả cho từng bộ phận		810	642 641 622 627	22.094.545 29.998.000 4.725.000	
						334		70.426.635
28/04	BPBLT4	29/04	Trích BHXH. BHYT. KPCĐ Theo tỷ lệ quy định		811	642 641 622 627 334	4.860.799 2.994.000 6.599.560 1.039.500 5.281.998	
						338		20.775.857
			Cộng chuyển trang sau				25.342.960.570	25.342.960.570

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có

		tháng		cái		đối ứng		
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang:		810		25.342.960.570	25.342.960.570
29/04	PC22/04	29/04	TT tiền vận chuyển cho Xí nghiệp CP TM & DV Đất Cảng		811	641	4.005.455	
					812	133	400.545	
					813	111		4.406.000
			Tổng số phát sinh:		814		25.347.366.579	25.347.366.579

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.19 Trích sổ Nhật ký chung

Cuối kỳ, căn cứ vào các chứng từ là các phiếu chi tiền, giấy báo nợ đối chiếu với sổ chi tiết tài khoản 111, 112 (chi tiết) phát sinh trong tháng, kế toán tiến hành khoá sổ chi tiết TK 642.

Số liệu ở sổ nhật ký chung được ghi vào sổ cái TK 642. Đồng thời kế toán lập phiếu kế toán phản ánh nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Địa chỉ: Cụm1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: chi phí bán hàng

Số hiệu tài khoản: 641

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang số NKC	SHTKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
06/04	PC04/04	06/04	Thanh toán tiền mua VPP cho Metro	38	111	176.200	
..	
10/04	PC08/04	10/04	Thanh toán tiền điện thoại cho VNPT	38	111	787.577	
...
28/04	BPBLI04	28/04	Chi phí lương phải trả cho bp bán hàng	41	334	13.609.090	
28/04	BPBLI04	28/04	Trích BHXH. BHYT. KPCĐ Theo tỷ lệ quy định tại bp bán hàng	42	338	2.994.000	
29/04	PC22/04	29/04	Thanh toán tiền cước vận chuyển cty CP Vận tải và dịch vụ Đất Cảng	33	111	4.860.799	
...
30/04	KC	30/04	K/c CPBH xác định kết quả kinh doanh	52	911		989.149.308
			Cộng số phát sinh:			989.149.308	989.149.308
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.20 Trích Sổ Cái TK641

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu tài khoản: 642

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ NKC	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
06/04	PC03/04	06/04	Thanh toán tiền tiếp khách cho Xí nghiệp TNHH DV & TM Việt Hàn	31	111	2.000.000	
28/04	PC21/04	28/04	Thanh toán tiền tiếp khách cho Cty TNHH DV & TM Việt Hàn	32	111	3.000.000	
28/04	BPBLI04	28/04	Chi phí lương phải trả cho bp QLDN	41	334	22.094.545	
28/04	BPBLI04	28/04	Trích BHXH. BHYT. KPCĐ Theo tỷ lệ quy định tại bp QLDN	42	338	2.994.000	
...
31/04	KC	31/04	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh	42	911		31,017,510
			Cộng số phát sinh:			31,017,510	31,017,510
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.21 Trích Sổ Cái TK642

2.3 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng

Doanh thu hoạt động tài chính của Xí nghiệp: lãi tiền gửi.

Chi phí tài chính: chủ yếu là chi phí lãi vay ngân hàng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, phiếu thu
- Giấy báo có, giấy báo nợ

❖ Tài khoản sử dụng

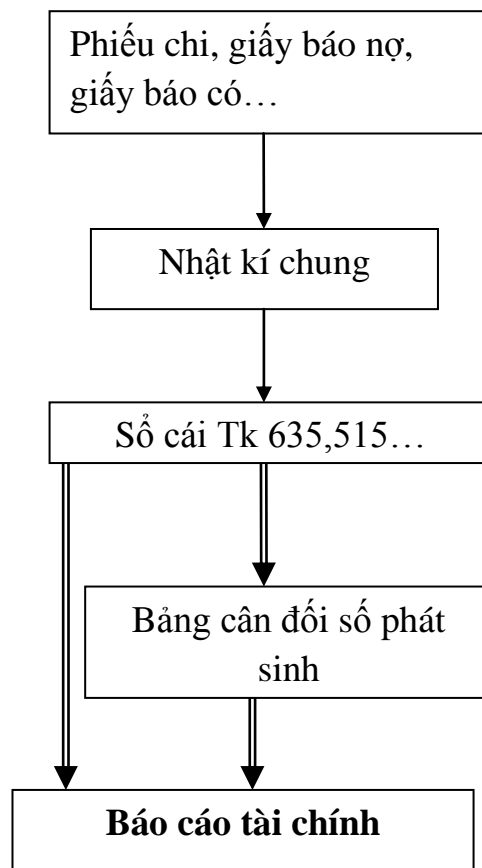
Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Xí nghiệp sử dụng:

- TK515 – doanh thu hoạt động tài chính

Hạch toán chi phí tài chính:

- TK635 – chi phí hoạt động tài chính

Sơ đồ 2.4 Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính



- Từ giấy báo nợ và báo có của ngân hàng phiếu thu và phiếu chi của các nghiệp vụ kế toán doanh thu và chi phí tài chính, dựa vào giấy báo nợ, có và phiếu thu –

chi kế toán viên làm căn cứ ghi vào sổ nhật kí chung và sổ cái doanh thu tài chính và sổ cái chi phí tài chính, định kì vào bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

- Ngày 05 tháng 04 năm 2010 Xí nghiệp trả lãi tiền vay cho Ngân hàng ACB bank chi nhánh tại Hải Phòng.
- Ngày 30 tháng 04 năm 2010 Xí nghiệp nhận lãi tiền gửi từ Ngân hàng ACB bank chi nhánh tại Hải Phòng.

NGÂN HÀNG Á CHÂU

Chi nhánh ACB Hải Phòng

DV:NGUYEN THU HANG

Mã KH: 44048

Số GD:13

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25-04-2011

Kính gửi: XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ KINHDOANH THAN HUY HOÀNG

Địa chỉ: Cụm I – Quán Trữ - Kiến An - Hải Phòng

Số tài khoản: 18087179

Mã số thuế: 0200448455

Hôm nay, chúng tôi đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung như sau

Loại tiền : VNĐ

Loại TK: tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng: 00270301011

Số bút toán hạch toán: FT062054

Chúng tôi xin thông báo đã ghi tài khoản của quý khách số tiền là: 48.000.000VNĐ

Bằng chữ : Bon muoi tam trieu dong

Nội dung: trả lãi tiền vay

LẬP PHIẾU

(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGÂN HÀNG Á CHÂU

Chi nhánh ACB Hải Phòng

Mã GDV:

Mã KH: 44048

Số GD:

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 30-04-2011

Kính gửi: XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH THAN HUY HOÀNG

Địa chỉ: Cụm I – Quán Trữ - Kiến An - Hải Phòng

Số tài khoản: 18087179

Mã số thuế: 0200448455

Hôm nay, chúng tôi đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau

Loại tiền : VNĐ

Loại TK: tiền gửi thanh toán

Xi nghiệp chế biến và kinh doanh than Huv Hoang

Số ID khách hàng: 00270301011

Số bút toán hạch toán: FT063155

Chúng tôi xin thông báo đã ghi tài khoản của quý khách số tiền là: 172.572 VNĐ

Bằng chữ : Một trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng

Nội dung: Lãi nhập vốn

LẬP PHIẾU

(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Từ giấy báo nợ ngày 25/04 và giấy báo có ngày 30/04 kế toán làm căn cứ ghi định khoản các nghiệp vụ vào sổ nhật ký chung như sau:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang:				23.120.003.670	23.120.003.670
...
05/04	BAO003	05/04	Thanh toán tiền cước đt cho VMS		620	635	6,596,503	
					621	112		6,596,503
...
25/04	GBN0013	25/04	Ngân hàng ACB báo thanh toán lãi tiền vay		659	635	48.000.000	
					660	1121		48.000.000
...
30/04	PC19/04	30/04	Cao Thị Hương nộp tiền vào TK Xí nghiệp		678	1121	40.000.000	
					679	111		40.000.000
...
30/04	GBC0005	30/04	Ngân hàng ACB báo lãi tiền gửi		807	1121	172.572	
					808	515		172.572
...
			Tổng số phát sinh:		814		25.342.960.570	25.342.960.570

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.23 Trích Sổ Nhật Ký Chung

Dựa theo định khoản đã ghi vào sổ nhật ký chung kế toán làm căn cứ để vào sổ cái các tài khoản doanh thu tài chính (TK515) và tài khoản chi phí tài chính (TK635) như sau:

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Địa chỉ: Cụm 1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 04 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu tài khoản: 515

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
30/04	GBC 0005	30/04	Thông báo lãi tiền gửi ngân hàng VCB	12	1121		172.572
30/04	KC	30/04	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính xác định kết quả kinh doanh	12	911	1.280.972	
			Cộng số phát sinh:			1.280.972	1.280.972
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.24 Trích Sổ Cái TK515

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 04 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu tài khoản: 635

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
...
3/04	GBC 0005	30/04	Thông báo lãi tiền gửi ngân hàng ACB	14	1121	172.572	
20/04	PC10 /04	20/04	Phí chuyển tiền cho Cty Đông Bắc	14	1121	10.000	
...
30/04	KC	30/04	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính xác định kết quả kinh doanh	14	911		6.606.503
			Cộng số phát sinh:			6.606.503	6.606.503
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.25 Trích sổ cái TK635

2.4 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng.

❖ Đặc điểm Thu nhập khác tại Xí nghiệp

Thu nhập khác của Xí nghiệp là khoản thu nằm ngoài những khoản thu nói trên. Phát sinh không nhiều và tại Xí nghiệp chủ yếu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và từ tiền phạt hợp đồng.

❖ Đặc điểm của chi phí khác tại Xí nghiệp

Là các khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính.

Đối với chi phí khác chủ yếu là giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý nhượng bán, các khoản tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng kinh tế...

❖ Chứng từ sử dụng:

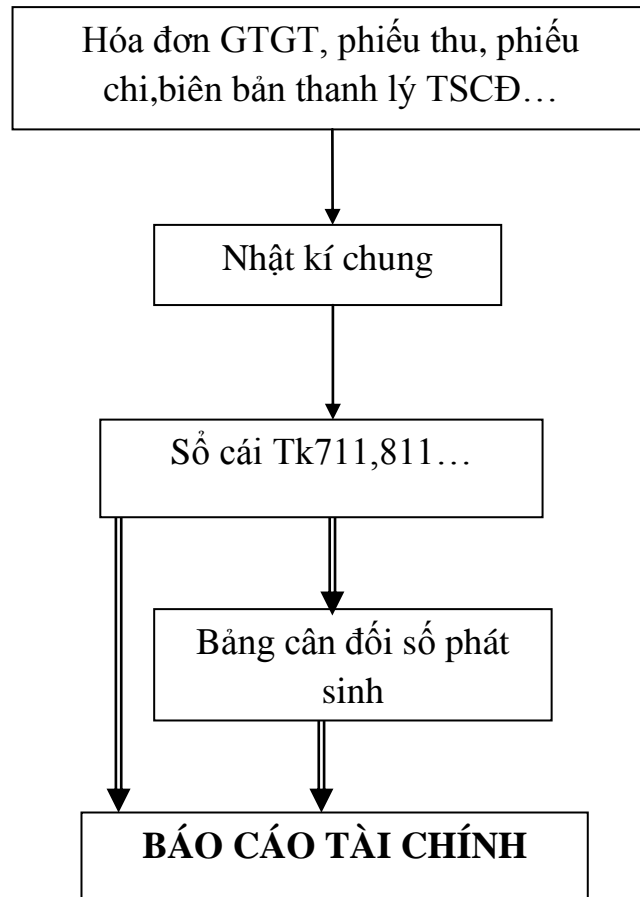
- Hóa đơn GTGT
- Quyết toán thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu thu, phiếu chi...

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK711: thu nhập khác
- TK811: chi phí khác

❖ Phương pháp hạch toán :

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ←---→ Đối chiếu kiểm tra

Từ các hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, các biên bản thanh lý TSCĐ... kế toán cần lấy làm căn cứ vào sổ nhật ký chung hàng ngày, theo định khoản đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản thu nhập khác (TK711) và chi phí khác (TK811), định kỳ để và bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính.

Xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng

Mẫu số: 02-TSCĐ

Cụm 1 – Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 20 tháng 04 năm 2010

Số: ...01.....

Căn cứ biên bản ngày 20 tháng 04 năm 2010 của hội đồng các thành viên Xí nghiệp chế biến và kinh doanh than Huy Hoàng, về việc thanh lý tài sản cố định.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông: Đào Quang Huy	Chức vụ: Giám đốc
Bà: Đinh thị Nhuận	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Phạm văn Truyền	Chức vụ: Phó giám đốc

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên: **Ô tô tải**
- Nước sản xuất: Hàn Quốc.....
- Năm sản xuất: 1990.....
- Năm đưa vào sử dụng 1991
- Nguyên giá TSCĐ 150.000.000.....
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý 100%.....
- Giá trị còn lại của TSCĐ0.....

III Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

.....

Ngày .. tháng ...năm

Trưởng ban thanh lý

(ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ ...3.300.000.....(viết bằng chữ) ...Một triệu đồng...1
- Giá trị thu hồi:20.000.000.....(viết bằng chữ) Hai mươi triệu đồng.....
- Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2010

Ngày 20 tháng 04 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

Biểu 2.26 Biên bản thanh lý TSCĐ

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao khách hàng
 Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Mẫu số: 01GTKT-3LL
 EE/2010B
0018916

Đơn vị bán hàng: Garage sửa chữa ô tô Kim Hạnh.....

Địa chỉ:

Số tài khoản:....18087179.....

Điện thoại.....MS

0	2	0	0	5	6	9	2	3	0				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Xí nghiệp chế biến vữa và kinh doanh than Huy Hoàng.....

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:..TM.....MS

0	2	0	0	4	4	8	4	5	5				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Bảo dưỡng xe			3.000.000	3.000.000,
Cộng tiền hàng					3.000.000,
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			300.000,
Tổng cộng tiền thanh toán					3.300.000,
Số tiền viết bằng chữ: <Ba triệu, Ba trăm ngàn >					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Biểu 2.27 Hóa đơn GTGT

Từ hóa đơn GTGT như trên kế toán làm căn cứ viết phiếu chi và vào sổ nhật ký chung theo mẫu như sau:

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Địa chỉ: Cụm1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 4 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang:				21.380.003.920	21.380.003.920
...
20/04	PT45/04	20/04	Doanh thu nhượng bán TSCĐ		796	111	22.000.000	
					797	711		20.000.000
					798	3331		2.000.000
20/04	PKT036	20/04	Giảm TSCĐ do nhượng bán		799	214	150.000.000	
					800	211		150.000.000
20/04	PC19/04	20/04	Chi phí thanh lý TSCĐ		802	811	3.000.000	
					803	133	300.000	
					804	111		3.300.000
...
28/04	PC21/04	28/04	Thanh toán tiền tiếp khách cho Cty DV & TM Việt Hàn		807	6417	3.000.000	
					808	133	300.000	
					809	111		3.300.000
...
			Tổng số phát sinh:		814		25.347.366.579	25.347.366.579

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.28 Trích sổ nhật ký chung

Từ định khoản trên nhật ký chung kế toán vào sổ cái của các tài khoản theo mẫu như sau:

SỔ CÁI

Tài khoản 711 – Doanh thu khác

Chứng từ		Trích yếu	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng		-	-
		Số phát sinh trong tháng			
10	20/04	Doanh thu nhượng bán TSCĐ	111		20.000.000
...
		Kết chuyển doanh thu khác			49.792.300
		Công phát sinh		49.792.300	49.792.300
		Tồn cuối tháng			-

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng

Mẫu số S03b – DNN

Cụm I - Lãm Hà - Kiến An - HP

QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 811 – Doanh thu khác

Chứng từ		Trích yếu	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng		-	-
		Số phát sinh trong tháng			
6	20/04	Chi phí nhượng bán TSCĐ	111	3.000.000	
...
		Kết chuyển chi phí khác			46.581.416
		Công phát sinh		46.581.416	46.581.416
		Tồn cuối tháng			-

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.29 Trích sổ cái TK711; Biểu 2.30 Trích sổ cái TK811

2.5 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Công ty dùng TK 911 để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cuối kỳ kế toán, Kế toán công ty thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu bán hàng thuần, trị giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác, kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Sau đó vào vào các phiếu kế toán và vào Sổ Cái tài khoản 911.

Ví dụ: Kết chuyển Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, Thuế GTGT phải nộp, Nợ phải thu, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Kế toán vào các phiếu kế toán như mẫu sau:

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng
 Cụm I - Lãm Hà - Kiến An – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Số 945

Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh	911		12.036.002.097	
		632	10.962.647.360	
		641	989.149.308	
		642	31.017.510	
		635	6.606.503	
		811	46.581.416	

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng

Cụm I - Lãm Hà - Kiến An – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Số 946

Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu để xác định kết quả hoạt động kinh doanh	511		12.131.224.530	
	515		1.280.972	
	711		49.792.300	
		911	12.182.297.802	

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng

Cụm I - Lãm Hà - Kiến An – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Số 947

Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		36.563.926,3	
		8211	36.563.926,3	

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng

Cụm I - Lãm Hà - Kiến An – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Số 948

Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8211		36.563.926,3	
		3334	36.563.926,3	

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Xí nghiệp CB&KD than Huy Hoàng

Cụm I - Lãm Hà - Kiến An – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Số 949

Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911		109.691.778,7	
		421	109.691.778,7	

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.31 Phiếu kế toán

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
Địa chỉ: Cụm1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 911

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang số nhật ký chung	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh:				
31/12	PKT945	30/04	Kết chuyển giá vốn hàng bán	42	632	10.962.647.360	
30/04	PKT946	30/04	Kết chuyển chi phí bán hàng	42	641	989.149.308	
30/04	PKT947	30/04	Kết chuyển chi phí QLDN	42	642	31.017.510	
30/04	PKT948	30/04	Kết chuyển chi phí khác	42	811	46.581.416	
30/04	PKT949	30/04	Kết chuyển chi phí HĐTC	42	635	6.606.503	
30/04	PKT950	30/04	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	42	8211	36.563.926,3	
30/04	PKT951	30/04	Kết chuyển lãi	42	421	109.691.778,7	
30/04	PKT952	30/04	Kết chuyển doanh thu bán hàng	42	511		12.131.224.530
30/04	PKT953	30/04	Kết chuyển doanh thu HĐ TC	42	515		1.280.972
30/04	PKT954	30/04	Kết chuyển Thu nhập khác	42	711		49.792.300
			Cộng số phát sinh:			12.182.257.802	12.182.297.802
			Số dư cuối kỳ:				

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.32 Trích Sổ Cái TK911

Đơn vị: Xí Nghiệp CB&KD Than Huy Hoàng
 Địa chỉ: Cụm1, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/3/ 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 4 năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu tài khoản: 421

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang sổ nhật ký chung	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			-	89.125.653
			Số phát sinh:				
30/04	PKT	30/04	Kết chuyển lãi tháng 4/2010	42	911		109.691.778,7
			Cộng số phát sinh:				109.691.778,7
			Số dư cuối kỳ:				308.509.210

Ngày 30 tháng 4 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.33 Trích Sổ Cái TK421

CHƯƠNG 3 :

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH THAN HUY HOÀNG

1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

Ngày nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với các nhà quản lý kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu này, Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng luôn đề cao, coi trọng công tác hoàn thiện bộ máy kế toán của mình đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa trên những quy tắc và chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại xí nghiệp. Việc hoàn thiện phải được bắt đầu từ các khâu:

- Hạch toán ban đầu dẫn đến kiểm tra thông tin trong chứng từ .
- Tổ chức luân chuyển chứng từ.
- Vận dụng Tài khoản kế toán để hệ thống hoá thông tin.
- Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống hoá thông tin.
- Tổ chức cung cấp thông tin cho đối tượng sử dụng bằng cách lập các báo cáo kế toán.
- Tổ chức công tác phân tích doanh thu và kết quả bán hàng tại xí nghiệp.

Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng, ta thấy xí nghiệp đã vận dụng đúng quy định của chế độ kế toán đối với loại hình doanh nghiệp thương mại từ công tác hạch toán ban đầu đến ghi sổ nghiệp vụ và lập báo cáo kết quả kinh

doanh. Mặc dù vậy, bên cạnh những ưu điểm vẫn còn tồn tại một số hạn chế mà theo tôi cần được khắc phục để hoàn thiện hơn nữa phân hành kế toán này của xí nghiệp.

1.2 Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Xí Nghiệp Chế Biển Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

1.2.1 Kết quả đạt được

1.2.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán

- Xí nghiệp tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ được thu thập và chuyển về phòng kế toán. Sau đó kế toán kiểm tra lại tính chính xác và hợp lý của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán.

- Bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện đúng chế độ hiện hành. Nhân viên có kinh nghiệm, nhiệt tình, ham học hỏi, nâng cao trình độ trong công việc.

1.2.1.2 Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng

Các chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán áp dụng trong quá trình hạch toán đều sử dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

➤ Chứng từ sử dụng

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ cơ bản theo đúng quy định của Bộ Tài Chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quy trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế, pháp lý của nghiệp vụ. các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận. quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện kịp thời, khoa học.

➤ Hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng

Xí nghiệp sử dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính.

Xí nghiệp mở tương đối đầy đủ các sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

1.2.1.3 Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- tổ chức thông tin của xí nghiệp được thực hiện khá tốt luôn cập nhật kịp thời những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hiện nay xí nghiệp đang tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán doanh nghiệp quyết định số 15/2006/QĐ- BTC chuẩn mực kế toán 14 về doanh thu và thu nhập khác.

- về tổ chức kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ.

- về việc xác định giá vốn hàng bán: xí nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.

- về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh phần nào đáp ứng yêu cầu của giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của xí nghiệp một cách kịp thời, chính xác.

1.2.2 Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng

1.2.2.1 Việc sử dụng sổ sách kế toán tại xí nghiệp

Xí nghiệp ko mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu riêng cho từng loại sản phẩm. việc này làm cho giám đốc không xác định được doanh thu của từng loại sản phẩm, do đó không xác định được nên đẩy mạnh cung cấp sản phẩm nào..

1.2.2.2 Việc hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Nhà máy chưa mở tài khoản cấp 2 để theo dõi chi tiết các khoản chi phí (TK641, 642). Điều này làm cho ban giám đốc không theo dõi sát sao được các yếu tố cấu thành chi phí để đề ra những quyết định quản lý chi phí cho hiệu quả.

1.2.2.3 Về tình hình công nợ

Xí nghiệp chưa lập dự phòng phải thu khó đòi

1.2.2.4 Về việc sử dụng chiết khấu thanh toán

Hiện nay việc áp dụng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh của Xí nghiệp chưa thực sự có hiệu quả. Trong thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp thúc đẩy năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp, tăng tổng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Xí nghiệp chưa áp dụng chiết khấu thanh toán để nhanh chóng thu hồi vốn, mở rộng sản xuất.

1.2.2.5 Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Xí nghiệp đã sử dụng tin học trong việc hạch toán kế toán bằng những công cụ hỗ trợ như Word và excel. Nhưng với việc phát triển nền kinh tế trong thời đại dùng nỗ lực sử dụng các phần mềm kế toán sẽ có rất nhiều thuận lợi. Trong khi đó xí nghiệp vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán.

1.3 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1 Hoàn thiện hệ thống sổ sách sử dụng của xí nghiệp

Là doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng. Việc mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu là cần thiết. giúp cho nhà quản lý biết nên phát triển mặt hàng nào và giảm bớt mặt hàng nào. Cũng như có chiến lược phát triển khác để kích thích tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp.

Dựa vào sổ chi tiết doanh thu bán hàng chi tiết theo chủng loại hàng hóa và phương thức thanh toán để lập báo cáo bán hàng toàn Công ty, thuận lợi cho việc theo dõi hoạt động kinh doanh của các cửa từng loại mặt hàng

Doanh nghiệp có thể mở mẫu sổ theo dõi doanh thu chi tiết theo mẫu sau

Số liệu minh họa của tháng 4 năm 2011

BẢNG CHI TIẾT THEO DỠI DOANH THU

Tháng 04 năm 2011

Chứng từ		Tên khách hàng	Chủng loại than	Số lượng (Tấn)	Đơn giá (Đ/T)	Tiền chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Tiền bán có thuế	Phương thức thanh toán			
Số	Ngày								111	112	131	...
HĐ0018890	1/04	Công ty An Bình	CámCB	12.5	450.000	5.625.000	562.500	6.187.500			x	
...
HĐ0018904	19/04	C.ty TNHH Huy Hiền	Than cục	6.5	2.670.000	17.335.500	1.735.500	19.090.500			x	
...
HĐ0018916	30/04	DN tư nhân Hùng Trọng	Than cục 5	107.53	1.600.000	172.048.000	17.204.800	189.252.800	x			
			Than cục 3	334.73	2.300.000	769.879.000	76.987.900	846.866.900	x			

1.3.2. Hoàn thiện việc ghi chép giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là chỉ tiêu hết sức quan trọng của quá trình tiêu thụ. Xí nghiệp chế biến và kinh doanh han Huy Hoàng xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền, dựa vào bảng kê số 8 “Nhập, xuất, tồn kho hàng hóa”. Sau khi tính giá vốn bình quân thì tính ngay trị giá vốn, lập báo cáo bán hàng. Do đó, khó có thể tránh khỏi nhầm lẫn. Vì vậy, để tránh nhầm lẫn và giúp cho việc tính toán dễ dàng hơn, Công ty nên lập bảng tính giá vốn bán hàng bình quân.

Mẫu số có thể mở như sau:

BẢNG TÍNH GIÁ VỐN BÌNH QUÂN

Tháng....năm.....

STT	Chủng loại	Số dư đầu kỳ		Tổng nhập trong kỳ		Giá vốn bình quân
		Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền	
1	Than cục	150	225.250	4000	6.750.000	150.000
2

1.3.3 Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Xí nghiệp nên mở thêm các TK cấp 2 của TK641,642 như sau:

- Chi phí bán hàng
 - Tk6411 chi phí nhân viên
 - Tk6412 chi phí vật liệu bao bì
 - Tk6413 chi phí công cụ, đồ dùng
 - Tk6414 chi phí khấu hao TSCĐ
 - Tk6417 chi phí dịch vụ mua ngoài
 - Tk6418 chi phí bằng tiền khác
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Tk6421 chi phí nhân viên quản lý
 - Tk6422 chi phí vật liệu quản lý
 - Tk 6423 chi phí đồ dùng văn phòng

- Tk6424 chi phí khấu hao tài sản cố định
- Tk6425 thuế, phí lệ phí
- Tk6427 chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tk6428 chi phí bằng tiền khác

❖ Để thực hiện kế toán bán hàng theo địa điểm kinh doanh, kế toán cần phải sử dụng các sổ chi tiết tập hợp chi phí. Sổ chi tiết này được mở chi tiết theo từng địa điểm kinh doanh kết hợp với việc theo dõi từng khoảng mục chi phí bán hàng. Công ty có thể sử dụng mẫu số sau và mẫu này theo tôi là tiện lợi vì có thể theo dõi được cả phần thuế GTGT đầu vào của các khoản chi phí bán hàng.

Sổ chi tiết có thể mở theo mẫu sau:

SỔ CHI TIẾT TK 641,642

Trạm:.....

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền thanh toán	Thuế GTGT đầu vào	Phân theo khoản mục phí		
SH	NT					6411	...	6417
...
PC08/04	10/04	Thanh toán cước viễn thông VNPT	111	787.577	78.758			x
BPBLT	29/04	Lương phải trả cho bp bán hàng	334	29.998.000		x		
...

1.3.4 Về tình hình quản lý công nợ:

➤ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Xí nghiệp có nhiều khách hàng và chủ yếu là bán chịu vì vậy phải thu khách hàng của xí nghiệp là tương đối cao. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi là cần thiết.

❖ Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo những điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng nợ về số tiền nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản phải thu khó đòi:

+ nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn đang bị cơ quan pháp luật truy tố...

Những khoản nợ trên 3 năm trở lên không có khả năng thu hồi nợ được xử lý xóa nợ.

❖ Phương pháp lập dự phòng

Mục đích lập:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

+50% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+70% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+100% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Tài khoản sử dụng: Tk139 – dự phòng phải thu khó đòi

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

Bên có:

Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên có:

Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kì.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc các khoản nợ quá hạn, doanh nghiệp tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ phải thu khó đòi đó là hợp lý và có thật.

Xử lý khoản dự phòng

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng hạch toán kế toán xí nghiệp cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Căn cứ vào số dự phòng còn lại trên Tk139 so với số dự phòng cần phải trích lập dự phòng cho năm tiếp theo.

- Khi các khoản nợ phải thu xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định trên, nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

- Nếu số dư dự phòng phải trích lập cao hơn số dự phòng phải thu khó đòi trích lập năm trước thì xí nghiệp phải trích thêm vào CPQLDN phần chênh lệch giữa số trích lập cho năm sau với số dư dự phòng đã trích lập cho năm trước.

- **Bút toán ghi số:**

Nợ Tk642 : chi phí QLDN

Có Tk139: dự phòng phải thu khó đòi

- Các khoản phải thu khó đòi khi xác định thực sự là thực sự không đòi được thì được phép xóa nợ, việc xóa nợ phải theo chính sách tài chính hiện hành.

Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ Tk139: dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã trích dự phòng)

Nợ tk642 : chi phí QLDN (nếu chưa trích dự phòng)

Có Tk131: phải thu khách hàng

Có Tk138: phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ Tk004: nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ.

- Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đặc được xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi được nợ, kế toán căn cứ giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ Tk111,112

Có tk711: doanh thu khác

1.3.5 Chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại.

✚ Chiết khấu thanh toán

Trong nền kinh tế thị trường vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp là hiệu quả sử dụng vốn, tức là vốn của doanh nghiệp phải được quay vòng nhanh.

Việc quay vòng vốn luôn là vấn đề quan trọng của mỗi doanh nghiệp. do vậy xí nghiệp nên áp dụng chính sách” chiết khấu thanh toán” cho khách hàng thường xuyên có uy tín, luôn thực hiện đúng hợp đồng thanh toán đúng và trước hạn.

❖ Phương pháp hạch toán:

Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà xí nghiệp có thể đưa những tỷ lệ phần trăm chiết khấu phù hợp. thông thường chiết khấu là 1%- 2% trên tổng giá thanh toán, cần đảm bảo 2 nguyên tắc: lợi ích của xí nghiệp không bị xâm phạm, không làm mất bạn hàng.

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào Tk635 – chi phí tài chính

Nợ Tk635 : khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng

Có Tk131,111,112...

Cuối kỳ kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kì

Nợ Tk911

Có Tk635

Ví dụ: trong kỳ công ty TNHH TM Huy Hiền Mua 6.5tấn than cục với đơn giá mỗi tấn là 2.670.000, thuế GTGT 10% doanh nghiệp đã thanh toán ngay bằng tiền mặt. doanh nghiệp được hưởng chiết khấu thanh toán 2% do là khách hàng quen thuộc của xí nghiệp.

- Hạch toán doanh thu như sau:

NợTK 111: 19.090.500

Có TK511: 17.335.000

Có TK3331: 1.735.500

- Hạch toán chiết khấu thanh toán:

Nợ TK635: 381.810

Có TK111: 381.810

Chiết khấu thương mại

Khách hàng là một trong những yếu tố hàng đầu quyết định sự tồn tại và chỗ đứng cho doanh nghiệp, vì vậy quan tâm đến lợi ích của khách hàng cũng đồng thời cũng là định hướng lâu dài cho sự phát triển mạnh mẽ của doanh nghiệp

Đối với những khách hàng lớn và tiềm năng doanh nghiệp nên có chính sách chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán một cách cần thiết để giữ khách và tạo mối quan hệ khăng khít lâu dài, duy trì khả năng tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp trong thời điểm nền kinh tế thị trường đang trong giai đoạn bão hòa như hiện nay.

❖ Phương pháp hạch toán

Doanh nghiệp có thể phân cấp khách hàng và lập một hệ thống theo dõi và quản lý doanh thu chi tiết với đối tượng khách hàng này để có chiến lược chăm sóc và chính sách ưu đãi cụ thể.

- Doanh nghiệp có thể phân ra các đối tượng khách hàng như : khách hàng cộng tác lâu năm và khách hàng tiềm năng tiêu thụ với số lượng lớn; với khách hàng đã cung cấp lâu năm nên có tỷ lệ chiết khấu cố định (từ 4-5%), còn với khách hàng

tiềm năng ta nên có chính sách ưu đãi trên từng giá trị của lô hàng cụ thể (dưới 100T chiết khấu 1%, trên 100T chiết khấu 2-3%) kết hợp theo dõi chi tiết tần suất giao dịch cũng như doanh thu tiêu thụ của đối tượng khách hàng trên để xác định một tỷ lệ chiết khấu cố định lâu dài.

Chiết khấu thương mại được hạch toán vào TK521 và được hạch toán như sau

Nợ TK 521: chiết khấu thương mại cho khách hàng

Nợ TK 3331:

Có TK 111/112/131:

+Kết chuyển trực tiếp vào doanh thu tiêu thụ hàng hóa

Nợ TK 511:

Có TK 521:

1.3.6 Phần mềm kế toán

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, các ứng dụng công nghệ vào thực tiễn đời sống nói chung và trong tổ chức kế toán nói riêng là rất cần thiết.

Cần phải sớm ứng dụng công nghệ vào quản lý, cụ thể là việc sử dụng phần mềm kế toán để cập nhập dữ liệu hàng ngày, giúp nhanh chóng có được những thông tin cần thiết như tìm kiếm dữ liệu nhanh chóng và kịp thời.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm có tính năng vượt trội, thích hợp với xí nghiệp sử dụng hình thức kế toán khác nhau. Giao diện và cách sử dụng thân thiện với nhiều người mà chi phí bỏ ra hợp lý.

Xí nghiệp áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung nên chọn các phần mềm có sử dụng sổ sách kế toán nhật ký chung.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. ví dụ phần mềm kế toán máy...

PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

DỄ TIẾP CẬN - CÀI ĐẶT - DỄ SỬ DỤNG

Quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.

QUẢN LÝ TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài chính doanh nghiệp được quản lý tập trung giúp nhà quản trị luôn nắm được tình hình sức khỏe doanh nghiệp

CẬP NHẬT CÁC CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH MỚI NHẤT

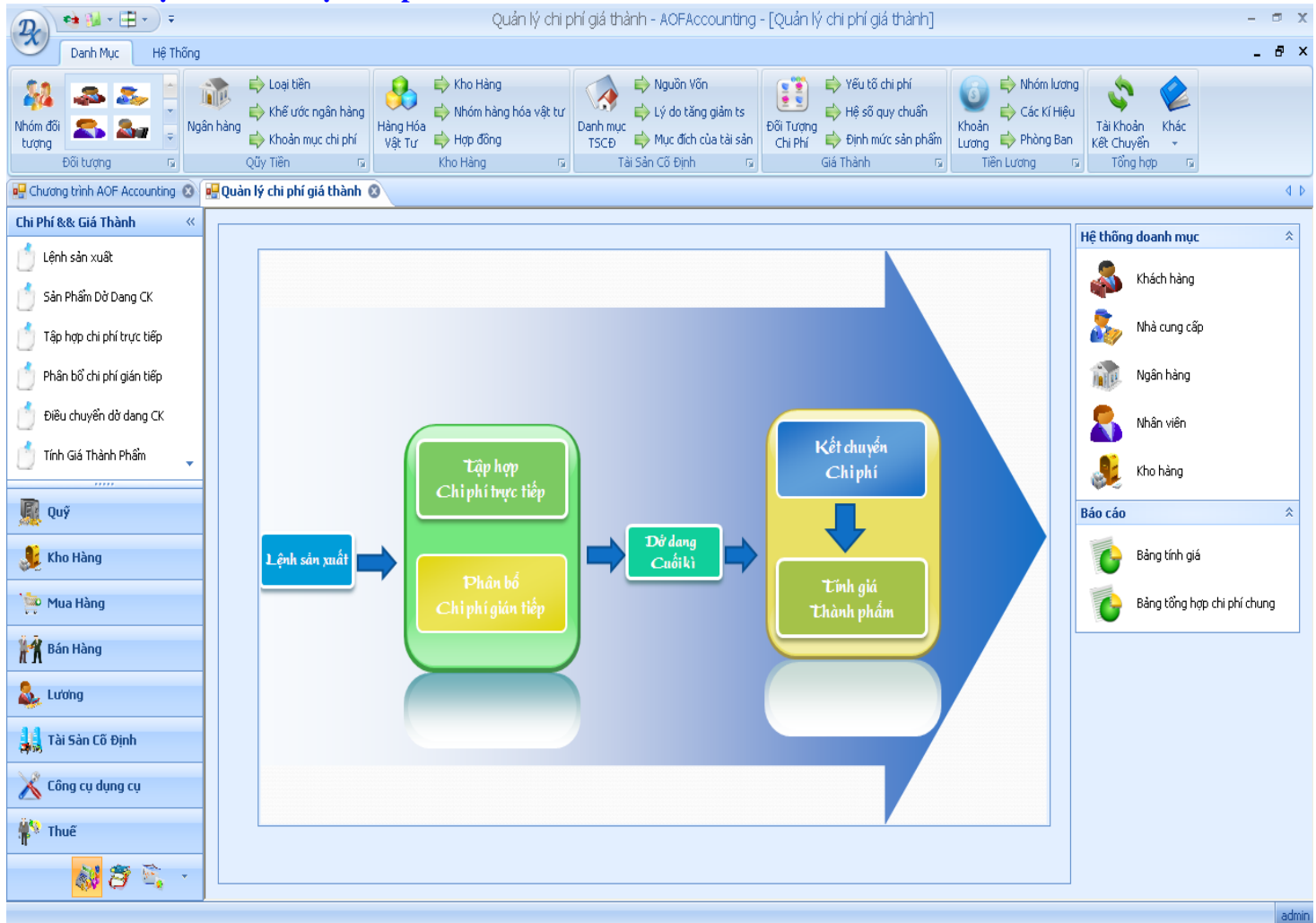
Luôn cập nhật các chế độ kế toán tài chính, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm... mới nhất.



Phần mềm kế toán AOF Accounting - Học viện tài chính

- AOF Accounting: Là phần mềm kế toán của nhóm AOF Group - Học Viện Tài Chính được cung cấp miễn phí cho các doanh nghiệp.
- AOF Accounting: Gồm nhiều phân hệ quản lý, giao diện đẹp, thân thiện người sử dụng.

Đặc điểm nổi bật của phần mềm:



- Do người thiết kế, phát triển phần mềm là các kế toán viên nên phần mềm đạt được tiêu chuẩn đơn giản, thân thiện với người sử dụng, tính ổn định cao.
- AOF Accounting xây dựng quản lý các đối tượng theo hình cây (Tree Data) giúp người dùng có cái nhìn tổng quát dễ dàng cho các vấn đề.
- AOF Accounting hỗ trợ người sử dụng một cách tối đa đúng như phương châm "AOF Accounting" là người bạn tin cậy của kế toán.
- AOF Accounting được phát triển trên nhiều máy, hỗ trợ kê khai thuế.
- AOF Accounting có hệ thống phân quyền chặt chẽ.

** Một số ý kiến khác*

Ngoài một số ý kiến cơ bản liên quan đến công tác hạch toán kế toán phần hành này, còn một số vấn đề liên quan đến cách thức tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà theo tôi xin đề xuất như sau:

- Nên áp dụng hợp lý hình thức chiết khấu hàng bán để khuyến khích khách hàng mua khối lượng lớn hoặc thanh toán đúng hạn.

- Ngoài phương thức bán hàng như trên, việc đa dạng hoá phương thức bán hàng sẽ làm doanh thu bán hàng của Xí nghiệp phong phú hơn.

- Công việc tìm hiểu, nghiên cứu thị trường của phòng kinh doanh thuộc văn phòng xí nghiệp là rất quan trọng đồng thời việc nâng cao trình độ nghiệp vụ cho kế toán ở xí nghiệp cũng nên được chú ý. Xí nghiệp cần có những chính sách cụ thể về công tác Marketing đặc biệt ở thị trường nước ngoài. Việc nâng cao kỹ năng cho cán bộ kế toán cũng là một phần trong việc hoàn thiện phần hành kế toán này.

Tóm lại, để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng, điều đó đòi hỏi phải có sự nỗ lực của chính những người làm công tác quản lý và những người thực hiện sự chỉ đạo đó. Xuất phát từ nhu cầu của thị trường mà đáp ứng để tăng kết quả sản xuất, kinh doanh và cũng từ yêu cầu đòi hỏi về tính hiệu quả trong công việc để thiết kế mô hình quản lý tài chính - kế toán cho thích hợp với xí nghiệp trong điều kiện hiện nay.

Kết luận

Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm bán ra và giảm thiểu chi phí nhưng vẫn không làm giảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ. Bởi vậy trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hóa trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tại xí nghiệp. Tuy nhiên do trình độ còn có giới hạn nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy em mong nhận được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô, ban giám đốc và các cán bộ phòng kế toán Xí nghiệp để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Lương Khánh Chi, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường ĐHDL Hải Phòng và các cán bộ trong Xí Nghiệp Chế Biến Và Kinh Doanh Than Huy Hoàng đã giúp em hoàn thiện bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Nguyễn Thị Minh Tâm